

3	Các hình hình học cơ bản (5 tiết)	Điểm. Đường thẳng. Tia	2 (TN 7,8) 0,5đ	4 (TL 5) 2đ							2,5
Tổng: Số câu			8	2		4		3		1	18
Điểm			2,0	2,0		3,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6

T T	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. Nhận biết được số đối của một phân số. Nhận biết được hỗn số dương. 	4 (TN 1,2,3,4)			
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> So sánh được hai phân số cho trước. 		1TL (TL 1)		
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán 		2TL (TL 2a,b)		

		Các phép tính với phân số.	(tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên \quan đến chuyển động trong Vật lí,...).			1 TL (TL3)	
			Vận dụng cao – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.				1 TL (TL 4)
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong	Hình có trục đối xứng	Nhận biết: – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	1 TN (TN 5)	1 TL (TL 6a)		

	tự nhiên	Hình có tâm đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	1TN(TN6)	1 TL (TL 6b)		
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). 				
3	Các hình học cơ bản	<p>Điểm. Đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. 	2 TN (TN 7,8) 4TL (TL 5abcd)			

		<i>Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia</i>	– Nhận biết được khái niệm tia.				
--	--	--	---------------------------------	--	--	--	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Hãy vẽ khung trả lời bên dưới và điền phương án mà em cho là đúng vào khung đã vẽ.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án								

Câu 1. Trong các số sau đây, số nào được viết dưới dạng phân số?

- A. $\frac{1,3}{-2}$. B. 4,5 . C. $\frac{4}{-35}$. D. $\frac{-9}{0}$.

Câu 2. Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì thỏa điều kiện nào sau đây?

- A. $a.b = c.d$. B. $a.d = b.c$. C. $a.c = b.d$. D. $a - c = b - d$.

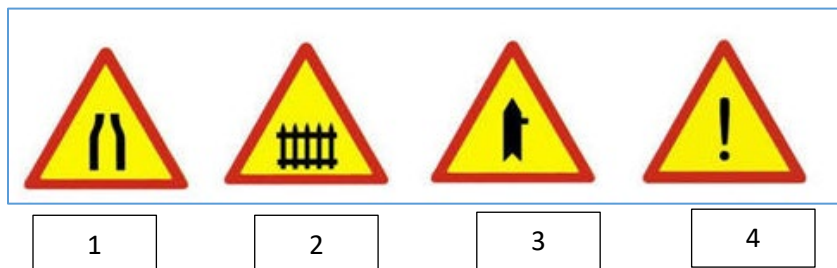
Câu 3. Chọn câu sai:

- A. $\frac{1}{4} > 0$. B. $\frac{-3}{5} < 0$. C. $\frac{5}{7} > 0$. D. $\frac{-9}{4} > 0$.

Câu 4. Khẳng định nào dưới đây là sai?

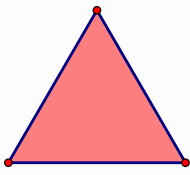
- A. Số đối của $\frac{1}{7}$ là $\frac{-1}{7}$. B. Số đối của $\frac{1}{-2}$ là $\frac{1}{2}$.
C. Số đối của $\frac{1}{10}$ là $\left(-\frac{1}{10}\right)$. D. Số đối của $\frac{-10}{11}$ là $\frac{-10}{-11}$.

Câu 5. Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có trục đối xứng?

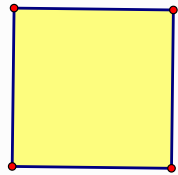


- A. 1, 2, 3. B. 2, 3, 4. C. 1, 3, 4. D. 1, 2, 4.

Câu 6. Trong các hình sau, hình nào **không có** tâm đối xứng ?



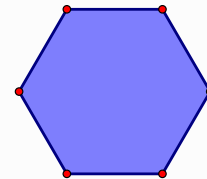
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A. hình 1

B. hình 2

C. hình 3

D. hình 4

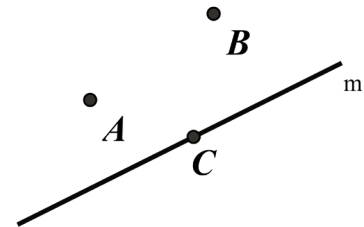
Câu 7. Trong hình sau, điểm thuộc đường thẳng m là....

A. Điểm A.

B. Điểm B.

C. Điểm C.

D. Điểm A và B.



Câu 8. Ba điểm thẳng hàng là:

A. Ba điểm phân biệt.

B. Ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng.

C. Ba điểm không cùng nằm trên một đường thẳng.

D. Không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) So sánh hai phân số sau: $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{4}$

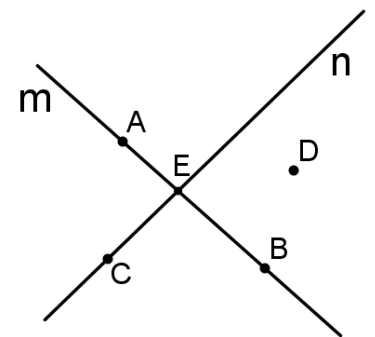
Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{2}{3} - \frac{1}{4}$

b) $\frac{-1}{4} \cdot \frac{3}{5} + \frac{25}{6} : \frac{5}{3}$

Câu 3. (0,5 điểm) Một thửa đất hình chữ nhật có chiều rộng là 9 m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng. Tính chiều dài của thửa đất đó.

Câu 4. (1,0 điểm) Một cuốn truyện được An đọc hết trong ba ngày. Biết rằng, ngày thứ nhất An đọc được $\frac{1}{5}$ số trang của cuốn sách. Ngày thứ hai, An đọc được $\frac{3}{7}$ số trang còn lại của cuốn sách. Ngày thứ ba, An đọc nốt 32 trang còn lại. Hỏi cuốn sách đó có bao nhiêu trang?



Câu 5. (2,0 điểm) Cho hình vẽ như hình bên

a) Kể tên điểm thuộc đường thẳng n , điểm không thuộc đường thẳng m .

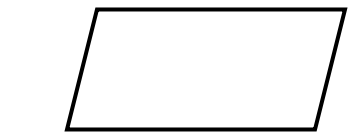
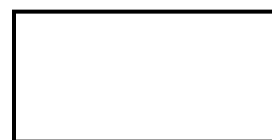
b) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.

c) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

d) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B.

Câu 6. (1,5 điểm)

a) Vẽ 1 trục đối xứng đối xứng của hình chữ



nhật.

b) Vẽ tâm đối xứng của hình bình hành.

---HẾT---

ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 TOÁN 6 (2024-2025)

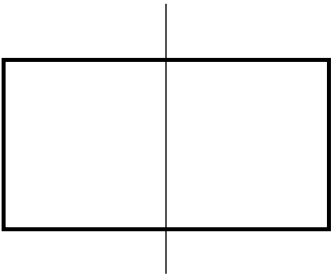
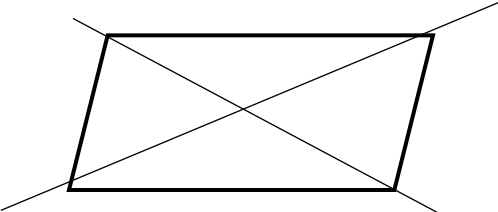
I. TRẮC NGHIỆM: MỖI ĐÁP ÁN ĐÚNG 0.25 ĐIỂM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	D	B	A	C	B

II. TỰ LUẬN (8 ĐIỂM)

ĐÁP ÁN

CÂU	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1,0 đ)		So sánh hai phân số sau: $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{4}$ $\frac{2}{5} = \frac{2.4}{5.4} = \frac{8}{20}$ $\frac{3}{4} = \frac{3.5}{4.5} = \frac{15}{20}$ $\frac{8}{20} < \frac{15}{20} \Rightarrow \frac{2}{5} < \frac{3}{4}$	0,25x4
2 (1,5 đ)	a (0,75 đ)	$\frac{2}{3} - \frac{1}{4}$ $= \frac{8}{12} - \frac{3}{12}$ $= \frac{5}{12}$	0,5 0,25
	b (0,75 đ)	$\frac{-1}{4} \cdot \frac{3}{5} + \frac{25}{6} \cdot \frac{5}{3}$ $= \frac{-1}{4} \cdot \frac{3}{5} + \frac{25}{6} \cdot \frac{5}{3}$ $= \frac{5}{2} + \frac{-3}{20}$ $= \frac{50}{20} + \frac{-3}{20}$ $= \frac{47}{20}$	0,25x3
3 (0,5 đ)		Chiều dài của thửa đất đó là: $9 \cdot \frac{5}{3} = 15m$	0,5

<p style="text-align: center;">4 (1,0 đ)</p>		<p>Phân số chỉ số trang còn lại sau khi đọc ngày thứ nhất là: $1 - \frac{1}{5} = \frac{4}{5}$ cuốn sách</p> <p>Phân số chỉ số trang ngày thứ hai đọc là: $\frac{3}{7} \cdot \frac{4}{5} = \frac{12}{35}$ cuốn sách</p> <p>Phân số chỉ số trang ngày thứ ba đọc là: $\frac{4}{5} - \frac{12}{35} = \frac{16}{35}$ cuốn sách</p> <p>Số trang của cuốn sách là: $32 : \frac{16}{35} = 70$ trang</p>	0,25x4
<p style="text-align: center;">5 (2,0đ)</p>	<p style="text-align: center;">a (0,5đ)</p>	<p>Điểm thuộc đường thẳng n là C, E Điểm không thuộc đường thẳng m là C, D</p>	0,25x2
<p style="text-align: center;">b (0,5đ)</p>	<p>Một bộ ba điểm thẳng hàng là: A, E, B</p>	0,5	
<p style="text-align: center;">c (0,5đ)</p>	<p>Một bộ ba điểm không thẳng hàng là B, C, D</p>	0,5	
<p style="text-align: center;">d (0,5đ)</p>	<p>Điểm nằm giữa hai điểm A và B là C</p>	0,5	
<p style="text-align: center;">6 (1,5đ)</p>	<p style="text-align: center;">a (0,75đ)</p>		0,75
<p style="text-align: center;">b (0,75đ)</p>		0,75	

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Mỗi câu sau đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng.

Hãy chọn phương án đúng và ghi vào giấy bài làm.

Câu 1. Số đối của $\frac{-1}{4}$ là:

A. $\frac{-1}{-4}$.

B. $\frac{-4}{-1}$.

C. $\frac{-4}{1}$.

D. $\frac{-1}{4}$.

Câu 2. Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?

A

B

O

P

A. B.

B. P.

C. O.

D. B và P.

Câu 3. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt C, D:

A. 0

B. 1

C. 2

D. Vô số

Câu 4. Cho hình vẽ sau. Hình nào không có tâm đối xứng?



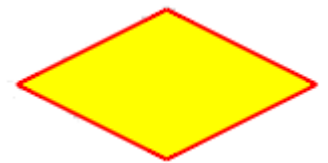
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 5. Cho $x + \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$. Kết quả giá trị x là:

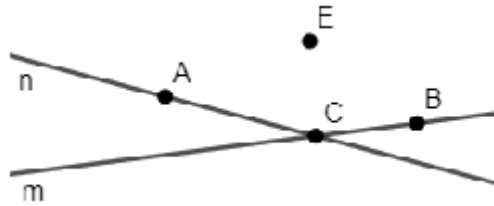
A. $\frac{-1}{15}$.

B. $\frac{1}{15}$.

C. $\frac{11}{15}$.

D. $\frac{-11}{15}$.

Câu 6. Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

- A. $C \in n, B \notin m$. B. $E \in m, C \notin m$. C. $B \in m, C \notin n$. D. $A \in n, E \notin n$

Câu 7. Cặp phân số nào sau đây không bằng nhau:

- A. $\frac{-3}{5}$ và $\frac{9}{-15}$. B. $\frac{-3}{4}$ và $\frac{-6}{8}$. C. $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{4}$. D. $\frac{2}{15}$ và $\frac{4}{30}$.

Câu 8. Kết quả của phép tính $\frac{13}{4} - \frac{9}{20}$ là:

- A. $\frac{1}{10}$. B. $\frac{2}{5}$. C. $\frac{14}{5}$. D. $\frac{-14}{5}$.

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $\frac{1}{3} + \frac{3}{8} - \frac{7}{12}$;
b) $\frac{7}{11} \cdot \frac{3}{4} + \frac{7}{11} \cdot \frac{1}{4} + \frac{4}{11}$;
c) $\frac{-3}{4} + \frac{2}{7} + \frac{-1}{4} + \frac{3}{5} + \frac{5}{7}$.

Câu 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

- a) $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$;
b) $-\frac{2}{3} + \frac{4}{5}x = \frac{1}{5}$

Câu 3. (1,5 điểm) Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài $\frac{8}{5}$ km và chiều rộng $\frac{3}{4}$ km.

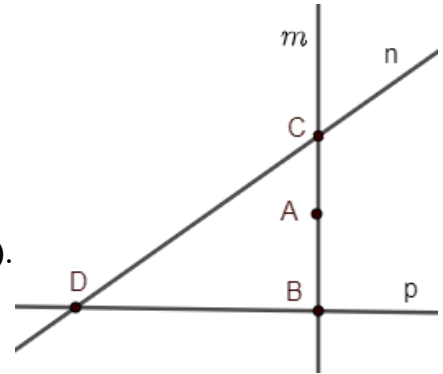
- a) Tính diện tích khu đất.
b) Chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu km?

Câu 4. (1,0 điểm) Một lớp học có nhiều học sinh yêu thích thể thao. Trong ngày hội thể thao của trường, lớp đã có $\frac{1}{2}$ số học sinh đăng kí thi đấu bóng đá, $\frac{2}{5}$ số học sinh đăng kí thi đấu bóng chuyền, $\frac{11}{20}$ số học sinh đăng kí thi đấu kéo co và $\frac{3}{10}$ số học sinh đăng kí thi cầu lông.

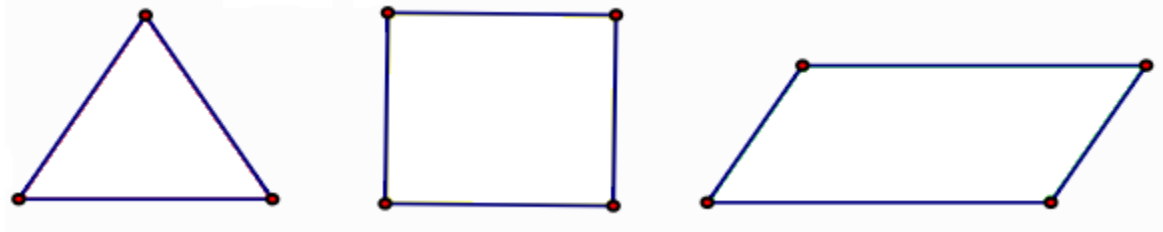
Hãy cho biết môn thi đấu nào được học sinh đăng kí nhiều nhất và môn thi đấu nào được học sinh đăng kí ít nhất (một học sinh có thể thi đấu nhiều môn)

Câu 5. (1,0 điểm) Cho hình vẽ:

- Kẻ tên các điểm, các đường thẳng.
- Kẻ tên các cặp đường thẳng cắt nhau.
- Cho biết điểm C thuộc vào các đường thẳng nào (viết kí hiệu).
- Kẻ tên các điểm thẳng hàng.



Câu 6. (1,0 điểm) Cho hình vẽ:



- Hình nào có trục đối xứng?
- Vẽ hình lại vào giấy kiểm tra. Sau đó, vẽ trục đối xứng (nếu có).

Họ và tên thí sinh: SBD: Phòng thi:

Học sinh không được sử dụng tài liệu.

Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

-----**Hết**-----

ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN_KHỐI: 6_NĂM HỌC: 2024 – 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	A	D	B	C	B	D	C	C

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1 (2,0 đ)	a) $\frac{1}{3} + \frac{3}{8} - \frac{7}{12}$ $= \frac{8}{24} + \frac{9}{24} - \frac{14}{24}$ $= \frac{3}{24}$ $= \frac{1}{8}$	0,25đx2
	b) $\frac{7}{11} \cdot \frac{3}{4} + \frac{7}{11} \cdot \frac{1}{4} + \frac{4}{11}$ $= \frac{7}{11} \cdot \left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \right) + \frac{4}{11}$ $= \frac{7}{11} \cdot 1 + \frac{4}{11}$ $= 1$	0,25đx3
	c) $\frac{-3}{4} + \frac{2}{7} + \frac{-1}{4} + \frac{3}{5} + \frac{5}{7}$ $= \left(\frac{-3}{4} + \frac{-1}{4} \right) + \left(\frac{2}{7} + \frac{5}{7} \right) + \frac{3}{5}$ $= -1 + 1 + \frac{3}{5}$ $= \frac{3}{5}$	0,25đx3
2 (1,5 đ)	a) $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$ $x = \frac{3}{4} + \frac{1}{2}$ $x = \frac{3}{4} + \frac{2}{4}$ $x = \frac{5}{4}$	0,25đx2

	$\text{b) } -\frac{2}{3} + \frac{4}{5}x = \frac{1}{5}$ $\frac{4}{5}x = \frac{1}{5} - \left(-\frac{2}{3}\right)$ $\frac{4}{5}x = \frac{1}{5} + \frac{2}{3}$ $\frac{4}{5}x = \frac{3}{15} + \frac{10}{15}$ $\frac{4}{5}x = \frac{13}{15}$ $x = \frac{13}{15} : \frac{4}{5}$ $x = \frac{13}{15} \cdot \frac{5}{4}$ $x = \frac{13}{12}$	0,25đx4
3 (1,5đ)	<p>a) Diện tích khu đất là:</p> $\frac{8}{5} \cdot \frac{3}{4} = \frac{24}{20} = \frac{6}{5} (\text{km}^2)$	0,75đ
	<p>b) Số km chiều dài hơn chiều rộng là:</p> $\frac{8}{5} - \frac{3}{4} = \frac{32}{20} - \frac{15}{20} = \frac{17}{20} (\text{km})$	0,75đ
4 (1,0đ)	<p>Ta có: $\frac{1}{2} = \frac{1 \cdot 10}{2 \cdot 10} = \frac{10}{20}$; $\frac{2}{5} = \frac{2 \cdot 4}{5 \cdot 4} = \frac{8}{20}$; $\frac{3}{10} = \frac{3 \cdot 2}{10 \cdot 2} = \frac{6}{20}$</p> <p>Vì $6 < 8 < 10 < 11$ nên $\frac{6}{20} < \frac{8}{20} < \frac{10}{20} < \frac{11}{20} \Rightarrow \frac{3}{10} < \frac{2}{5} < \frac{1}{2} < \frac{11}{20}$</p> <p>Vậy số học sinh đăng kí thi đấu kéo co là nhiều nhất, số học sinh thi đấu cầu lông là ít nhất</p>	0,5đx2
5 (1,0 đ)	a) Các điểm: A, B, C, D. Các đường thẳng: m, n, p	0,25đ
	b) Các đường thẳng cắt nhau: m cắt n, m cắt p, n cắt p	0,25đ
	c) $C \in (m)$, $C \in (n)$	0,25đ
	d) C, A, B	0,25đ
6 (1,0đ)	a) Xác định được hình có trục đối xứng	0,25đx3
	b) Vẽ trục đối xứng	0,25đ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS PHAN SÀO NAM

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC: 2024 – 2025

MÔN: TOÁN – LỚP: 6

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

Câu 1. Tính $\frac{1}{6} + \frac{-5}{6}$

A. $\frac{-2}{3}$

B. $\frac{-6}{6}$

C. $\frac{4}{6}$

D. $\frac{-2}{6}$

Câu 2. Tìm x khi $x + \frac{1}{11} = \frac{2}{11}$

A. $\frac{1}{11}$

B. $\frac{3}{11}$

C. $\frac{3}{22}$

D. $\frac{-1}{11}$

Câu 3. Cho $x \cdot \frac{2}{5} = \frac{1}{3}$. Kết quả giá trị x là :

A. $\frac{2}{15}$

B. $\frac{6}{5}$

C. $\frac{5}{6}$

D. $\frac{15}{2}$

Câu 4. $\frac{3}{2}$ của 2kg là:

A. 2,5kg

B. 3kg

C. 3,5kg

D. 4kg

Câu 5. Tìm một số biết $\frac{7}{4}$ của nó bằng 35. Số đó là:

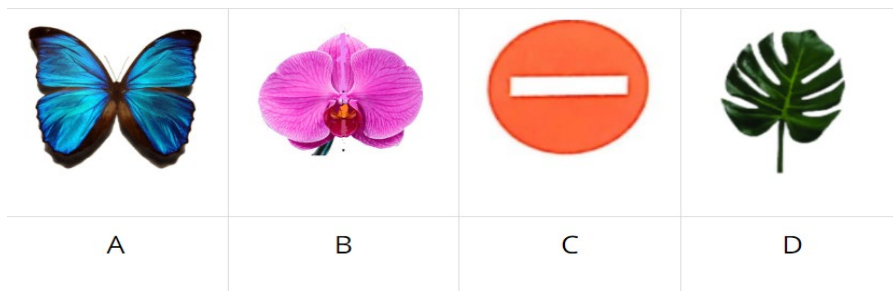
A. 20

B. 30

C. $\frac{1}{20}$

D. $\frac{245}{4}$

Câu 6. Hình nào sau đây **không** có trục đối xứng?



A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D. Hình D

Câu 7. Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng:

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

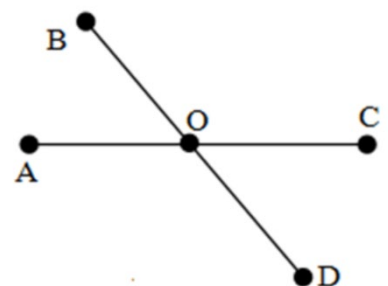
Câu 8. Kể tên bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây.

A. A, O, D và B, O, C

B. A, O, B và C, O, D

C. A, O, C và B, O, D

D. A, O, C và B, O, A



II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Bài 1. (1,5 điểm) So sánh các cặp phân số sau

a. $\frac{4}{9}$ và $\frac{3}{9}$

b. $\frac{3}{2}$ và $\frac{11}{7}$

Bài 2. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a. $\frac{-3}{10} - \frac{-4}{15} + \frac{-2}{3}$

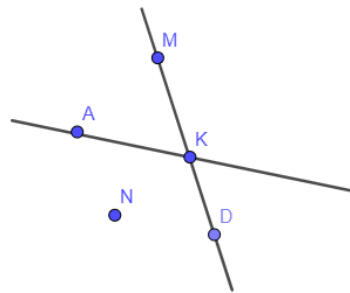
b. $\frac{9}{10} - \left(\frac{1}{4} : \frac{5}{7}\right)$

c. $\frac{5}{12} \cdot \frac{6}{11} + \frac{5}{12} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{12}$

Bài 3. (1,0 điểm) Lớp 6B có 54 học sinh đăng kí các môn tự chọn Toán, Văn, Anh. Trong đó, số học sinh đăng kí môn Toán chiếm $\frac{7}{9}$ tổng số học sinh, số học sinh đăng kí môn Văn bằng $\frac{1}{7}$ số học sinh đăng kí môn Toán. Hỏi có bao nhiêu học sinh đăng kí môn Anh?

Bài 4. (1,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức sau: $B = \left(\frac{1}{3} + \frac{3}{4} - \frac{13}{12}\right) : \left(\frac{12}{23} + \frac{123}{234} + \frac{1234}{2345}\right)$

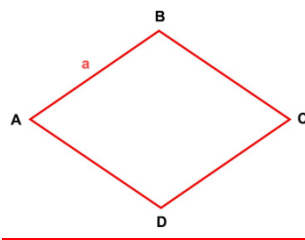
Bài 5. (1,0 điểm) Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm M và D.
- Kể tên một tia gốc A.

Bài 6. (1,5 điểm)

a. Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thoi sau:



b. Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật sau:



HẾT

(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	A	A	C	B	A	D	B	C

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

BÀI	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1,5 đ)	a (0,75 đ)	$\frac{4}{9} > \frac{3}{9}$.	0,75
	b (0,75 đ)	$\frac{3}{2}$ và $\frac{11}{7}$ MC: 14 Ta có: $\frac{3}{2} = \frac{3 \cdot 7}{2 \cdot 7} = \frac{21}{14}$; $\frac{11}{7} = \frac{11 \cdot 2}{7 \cdot 2} = \frac{22}{14}$ Vì $\frac{21}{14} < \frac{22}{14}$ nên $\frac{3}{2} < \frac{11}{7}$.	0,25x3
2 (2,0 đ)	a (1,0 đ)	a. $\frac{-3}{10} - \frac{-4}{15} + \frac{-2}{3} = \frac{-9}{30} + \frac{8}{30} + \frac{-2}{3} = \frac{-1}{30} + \frac{-20}{30} = \frac{-21}{30} = \frac{-7}{10}$	0,25x4
	b (0,5 đ)	b. $\frac{9}{10} - \left(\frac{1}{4} : \frac{5}{7}\right) = \frac{9}{10} - \left(\frac{1}{4} \cdot \frac{7}{5}\right) = \frac{9}{10} - \frac{7}{20} = \frac{18}{20} - \frac{7}{20} = \frac{11}{20}$	0,25x2
	c (0,5 đ)	c. $\frac{5}{12} \cdot \frac{6}{11} + \frac{5}{12} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{12} = \frac{5}{12} \cdot \left(\frac{6}{11} + \frac{5}{11}\right) + \frac{7}{12} = \frac{5}{12} \cdot \frac{11}{11} + \frac{7}{12}$ $= \frac{5}{12} \cdot 1 + \frac{7}{12} = \frac{5}{12} + \frac{7}{12} = 1$	0,25x2
3 (1,0 đ)		Số học sinh đăng kí Toán: $54 \cdot \frac{7}{9} = 42$ (bạn) Số học sinh đăng kí Văn: $42 \cdot \frac{1}{7} = 6$ (bạn) Số học sinh đăng kí Anh: $54 - 42 - 6 = 6$ (bạn)	0,25x4
4 (1,0 đ)		$B = \left(\frac{1}{3} + \frac{3}{4} - \frac{13}{12}\right) : \left(\frac{12}{23} + \frac{123}{234} + \frac{1234}{2345}\right)$ $= \left(\frac{4}{12} + \frac{9}{12} - \frac{13}{12}\right) : \left(\frac{12}{23} + \frac{123}{234} + \frac{1234}{2345}\right)$ $= 0 : \left(\frac{12}{23} + \frac{123}{234} + \frac{1234}{2345}\right) = 0$	0,25x4

<p style="text-align: center;">5 (1,0 đ)</p>		<p>a. Bộ ba điểm thẳng hàng là: M, K, D.</p> <p>b. Bộ ba điểm không thẳng hàng là: A, D, K.</p> <p>c. Điểm nằm giữa hai điểm M và D là điểm K.</p> <p>d. Tia gốc A là tia AK.</p>	0,25x4
<p style="text-align: center;">6 (1,5 đ)</p>	<p>a (0,75 đ)</p>	<p>a) Vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thoi.</p>	0,75
	<p>b (0,75 đ)</p>	<p>b) Xác định đúng điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật.</p>	0,75

Lưu ý: Học sinh có cách giải khác nếu đúng thì giáo viên dựa trên thang điểm chung để chấm.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{12}{0}$ B. $\frac{-4}{5}$ C. $\frac{3}{0,25}$ D. $\frac{4,4}{11,5}$

Câu 2: So sánh phân số $\frac{-4}{3}$ và $\frac{-7}{3}$

- A. $\frac{-4}{3} < \frac{-7}{3}$ B. $\frac{-4}{3} \leq \frac{-7}{3}$ C. $\frac{-4}{3} > \frac{-7}{3}$ D. $\frac{-4}{3} = \frac{-7}{3}$

Câu 3: Quy đồng phân số $\frac{-5}{6}$

- A. $\frac{-10}{6}$ B. $\frac{-10}{-12}$ C. $\frac{-5}{12}$ D. $\frac{-10}{12}$

Câu 4: Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?



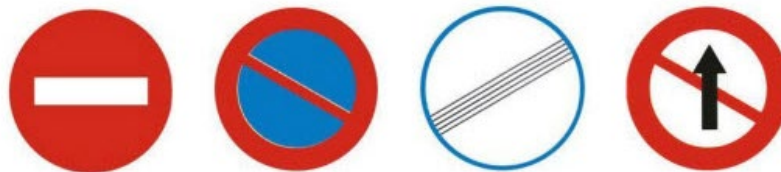
- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 5: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có tâm đối xứng?



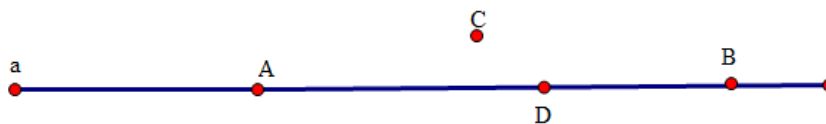
- A. Cấm xe đạp B. Cấm đi ngược chiều C. Cấm đi bộ D. Cấm rẽ trái

Câu 6: Có bao nhiêu biển báo giao thông vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng?



- A. 1 biển báo. B. 2 biển báo. C. 3 biển báo D. 4 biển báo

Câu 7: Cho hình vẽ:



Chọn phát biểu **đúng** trong các phát biểu sau:

- A. $a \in D$ B. $a \in B$ C. $D \in a$ D. $C \in a$

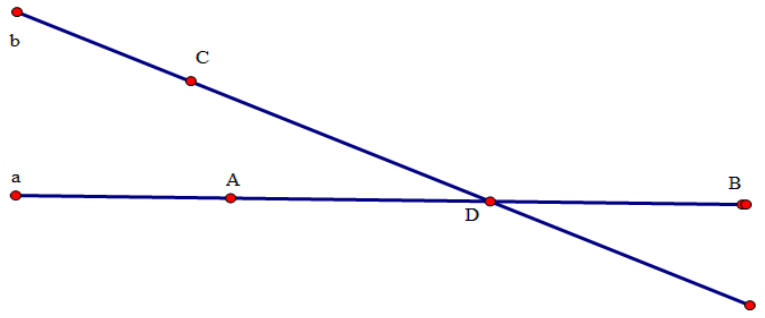
Câu 8: Trong hình vẽ. Chọn khẳng định **đúng**

A. A, B và C thẳng hàng.

B. C, D và B thẳng hàng.

C. A, D và C thẳng hàng.

D. A, D và B thẳng hàng.



PHẦN 2: TỰ LUẬN

Câu 1.

a) So sánh hai phân số $\frac{10}{3}$ và $\frac{5}{8}$.

b) Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{9}{11}$ và $\frac{-5}{6}$.

c) Sắp xếp các phân số $\frac{-1}{2}$; $\frac{-7}{2}$; $\frac{5}{2}$; 0 theo thứ tự tăng dần.

Câu 2. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-11}{7} + \frac{4}{7}$

b) $\frac{5}{2} : \frac{-5}{12} \cdot \frac{1}{4}$

c) $\frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-6}{7}\right) + \frac{2}{3} : \frac{7}{6} - \frac{2}{3}$

Câu 3. Tìm x, biết:

a) $\frac{3}{7} + x = \frac{5}{3}$

b) $\frac{7}{8} + \frac{1}{2}x = \frac{-4}{3}$

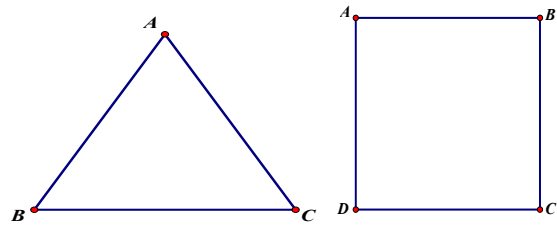
Câu 4. Bác An thu hoạch được 300 kg cam. Bác đã bán $\frac{2}{3}$ số cam mà bác đã thu hoạch được. Mỗi kg cam giá 15 000 đồng. Hỏi số tiền bác An đã bán được?

Câu 5. Mai đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang sách. Ngày thứ hai Mai đọc tiếp $\frac{1}{3}$ số trang sách. Ngày thứ ba Mai đọc hết 32 trang sách còn lại. Hỏi quyển sách đó dày bao nhiêu trang?

Câu 6. Vẽ hình sau vào giấy thi và xác định:

a) Trục đối xứng của tam giác đều ABC.

b) Tâm đối xứng của hình vuông ABCD.

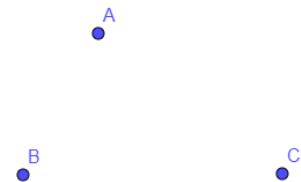


Câu 7. Hãy vẽ hình sau vào giấy thi và vẽ thêm **trên cùng một hình** theo cách diễn đạt sau:

a) Vẽ đường thẳng AB.

b) Vẽ điểm D thuộc đoạn thẳng BC.

c) Vẽ tia AC.



I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	D	B	C	C	D

II. TỰ LUẬN

BÀI	CÂU	LỜI GIẢI TÓM TẮT
1	a	<p>Ta có</p> $\frac{10}{3} = \frac{10.8}{3.8} = \frac{80}{24}$ $\frac{5}{8} = \frac{5.3}{8.3} = \frac{15}{24}$ <p>Vì $80 > 15$ nên $\frac{80}{24} > \frac{15}{24}$. Vậy $\frac{10}{3} > \frac{5}{8}$</p>
	b	<p>$\frac{9}{11}$ và $\frac{-5}{6}$</p> <p>Ta có mẫu số chung là 66</p> $\frac{9}{11} = \frac{9.6}{11.6} = \frac{54}{66}$ $\frac{-5}{6} = \frac{(-5).11}{6.11} = \frac{-55}{66}$
	c	Vì $-7 < -1 < 0 < 5$ nên $\frac{-7}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < \frac{5}{2}$
2	a	$\frac{-11}{7} + \frac{4}{7} = \frac{-11+4}{7} = \frac{-7}{7} = -1$
	b	$\frac{5}{2} : \frac{-5}{12} \cdot \frac{1}{4} = (-6) \cdot \frac{1}{4} = \frac{-3}{2}$
	c	$\frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-6}{7}\right) + \frac{2}{3} : \frac{7}{6} - \frac{2}{3} = \frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-6}{7}\right) + \frac{2}{3} \cdot \frac{6}{7} - \frac{2}{3}$ $= \frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-6}{7} + \frac{6}{7} - 1\right)$ $= \frac{2}{3} \cdot (0 - 1)$ $= \frac{2}{3} \cdot (-1) = \frac{-2}{3}$
3	a	$\frac{3}{7} + x = \frac{5}{3}$ $x = \frac{5}{3} - \frac{3}{7}$ $x = \frac{26}{21}$

	b	$\frac{7}{8} + \frac{1}{2}x = \frac{-4}{3}$ $\frac{1}{2}x = \frac{-4}{3} - \frac{7}{8}$ $\frac{1}{2}x = \frac{-53}{24}$ $x = \frac{-53}{24} : \frac{1}{2}$ $x = \frac{-53}{12}$
4		<p>Số cam Bác An đã bán là: $300 \cdot \frac{2}{3} = 200$ (kg)</p> <p>Số tiền bác An đã bán được là: $200 \cdot 15\,000 = 3\,000\,000$ (đồng)</p>
5		<p>Phần số biểu thị số trang sách Mai đọc được ở ngày thứ ba là:</p> $1 - \frac{2}{5} - \frac{1}{3} = \frac{4}{15}$ <p>Số trang của quyển sách là: $32 : \frac{4}{15} = 120$ (trang)</p>
6		
7		

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN 3

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ KIỂM TRA TK GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2024- 2025

Môn: TOÁN - KHỐI 6

Thời gian làm bài: 60 phút

(không tính thời gian phát đề)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu 1: Cho $\frac{1}{5} + \frac{3}{5} = ?$. Kết quả của phép tính là:

A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{4}{10}$

C. $\frac{3}{25}$

D. $\frac{2}{5}$

Câu 2: Chọn câu trả lời đúng:

A. $\frac{a}{-b} = \frac{a}{b}$

B. $\frac{a}{-b} = \frac{-a}{b}$

C. $\frac{a}{-b} = \frac{-a}{-b}$

D. $\frac{-a}{b} = \frac{a}{b}$

Câu 3: Cho $\frac{-2}{7} \cdot \frac{4}{-11} = ?$:

A. $\frac{-8}{77}$

B. $\frac{2}{-4}$

C. $\frac{8}{77}$

D. $\frac{77}{8}$

Câu 4: Giá trị $\frac{3}{4}$ của -80 là:

A. $\frac{-320}{3}$

B. $\frac{320}{3}$

C. -60

D. 60

Câu 5: Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



A.



B.

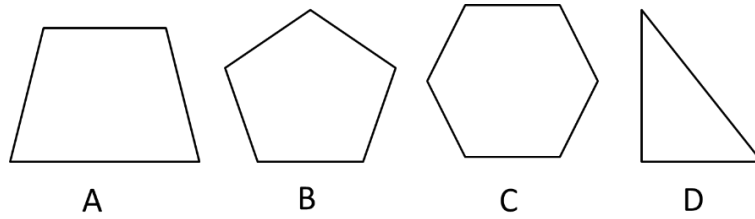


C.

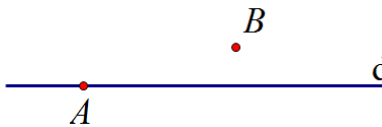


D.

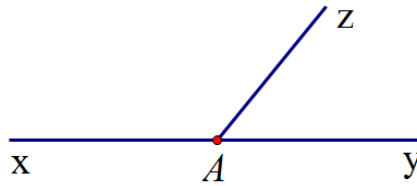
Câu 6: Hình nào dưới đây vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng:



- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 7: Cho hình vẽ  Chọn khẳng định **đúng**:

- A. Đường thẳng d chứa điểm A .
 B. Điểm A nằm trên đường thẳng d .
 C. $A \in d; B \notin d$
 D. Tất cả đều đúng.



Câu 8: Cho hình vẽ:

Số tia ở hình trên là:

- A. 3 tia B. 4 tia C. 5 tia D. 6 tia

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{4} + \frac{7}{5} - \frac{5}{2}$

b) $\frac{2}{9} \cdot \frac{2019}{2024} + \frac{2}{9} : \frac{2024}{5} + \frac{8}{9}$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $\frac{3}{5} - x = \frac{5}{2}$

b) $\frac{2}{7} + \frac{5}{7}x = \frac{5}{4}$

Bài 3. (1,5 điểm)

Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được $\frac{1}{7}$ bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được $\frac{1}{5}$ bể. Nếu mở vòi thứ nhất $\frac{3}{2}$ giờ rồi tắt sau đó mở vòi thứ hai 3 giờ rồi dừng lại. Hỏi lượng nước cả hai vòi đã chảy được mấy phần bể?

Bài 4. (1,5 điểm)

Bác nông dân vừa thu hoạch được 300kg khoai tây và 45kg cà chua.

a) Bác đem $\frac{9}{10}$ số khoai tây đó đi bán với giá 16 000 đồng một ki-lô-gam và 45 kg cà chua bán với giá 12 000 đồng một ki-lô-gam . Hỏi bác nông dân nhận được bao nhiêu tiền?

b) Số tiền vừa nhận bằng $\frac{5}{4}$ số tiền của mùa trước. Hỏi mùa trước bác nhận được bao nhiêu tiền?

Bài 5. (1,5 điểm) :

a) Vẽ hình theo yêu cầu.

- Ba điểm A, B, C thuộc một đường thẳng d, trong đó điểm B nằm giữa hai điểm A và C
- Lấy điểm D nằm không nằm trên đường thẳng d.

Vẽ tia DA, đoạn thẳng DB, đường thẳng DC.

- Từ C kẻ tia Cx cắt đoạn thẳng BD tại M, tia DA tại N.

b) Cho đoạn thẳng AB = 8cm. Trên đoạn AB lấy điểm N sao cho AN = 3 cm.

Tính độ dài đoạn BN=?

Bài 6. (0,5 điểm) : So sánh hai phân số sau:

$$A = \frac{7^{2024} + 3}{7^{2024} - 1} \text{ và } B = \frac{7^{2024}}{7^{2024} + 5}$$

..... **HẾT!**

THANG ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25đ

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
A	B	C	C	A	C	D	A

PHẦN I: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

$$a) \frac{3}{4} + \frac{7}{5} - \frac{5}{2} = \frac{15 + 28 - 50}{20} = \frac{-7}{20}$$

0,25 x 2 đ

b)

$$\begin{aligned} & \frac{2}{9} \cdot \frac{2019}{2024} + \frac{2}{9} \cdot \frac{2024}{5} + \frac{8}{9} \\ &= \frac{2}{9} \cdot \frac{2019}{2024} + \frac{2}{9} \cdot \frac{5}{2024} + \frac{8}{9} \\ &= \frac{2}{9} \cdot \left(\frac{2019}{2024} + \frac{5}{2024} \right) + \frac{8}{9} \\ &= \frac{2}{9} \cdot 1 + \frac{8}{9} = \frac{10}{9} \end{aligned}$$

0,25 x 4đ

(Học sinh tính mà không áp dụng tính chất phân phối nếu đúng vẫn cho đủ điểm)

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

$$\begin{aligned} a) \frac{3}{5} - x &= \frac{5}{2} \\ x &= \frac{3}{5} - \frac{5}{2} \\ x &= \frac{-19}{10} \end{aligned}$$

0,25 x 2

$$\begin{aligned} b) \frac{2}{7} + \frac{5}{7}x &= \frac{5}{4} \\ \frac{5}{7}x &= \frac{5}{4} - \frac{2}{7} \\ \frac{5}{7}x &= \frac{27}{28} \\ x &= \frac{27}{28} : \frac{5}{7} = \frac{27}{28} \cdot \frac{7}{5} \\ x &= \frac{27}{20} \end{aligned}$$

0,25đ x 4

Bài 3. (1,5 điểm)

Lượng nước vòi thứ nhất chảy vào bể sau $\frac{3}{2}$ giờ là $\frac{1}{7} \cdot \frac{3}{2} = \frac{3}{14}$ bể 0,5đ

Lượng nước vòi thứ hai chảy vào bể sau 3 giờ là $\frac{1}{5} \cdot 3 = \frac{3}{5}$ bể 0,5đ

Lượng nước cả hai vòi đã chảy vào bể là: $\frac{3}{14} + \frac{3}{5} = \frac{57}{70}$ bể 0,5đ

Bài 4. (1,5 điểm)

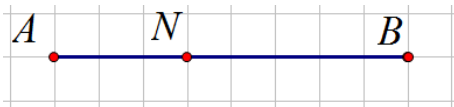
a) Số tiền bác nông dân thu được là:

$$300 \cdot \frac{9}{10} \cdot 16000 + 45 \cdot 12000 = 4\ 860\ 000 \text{ đồng} \quad 1đ$$

b) Số tiền mùa trước bác nhận được là $4\ 860\ 000 : \frac{5}{4} = 3\ 888\ 000$ đồng 0,5đ

Bài 5. (1,5 điểm): a) Học sinh vẽ đúng mỗi ý 0,25đ điểm

b) Học sinh không vẽ hình không chấm điểm.



Vì điểm N nằm giữa hai điểm A và B

$$\text{Nên } AN + NB = AB$$

$$3 + NB = 8$$

$$NB = 8 - 3 = 5 \text{ cm.}$$

0,25đ

0,25đ

Bài 6. (0,5 điểm) : So sánh hai phân số sau: $A = \frac{7^{2024} + 3}{7^{2024} - 1}$ và $B = \frac{7^{2024}}{7^{2024} + 5}$

Ta có:

$$A = \frac{7^{2024} + 3}{7^{2024} - 1} = \frac{7^{2024} - 1 + 4}{7^{2024} - 1} = \frac{7^{2024} - 1}{7^{2024} - 1} + \frac{4}{7^{2024} - 1} = 1 + \frac{4}{7^{2024} - 1} > 1 \quad 0,25đ$$

$$B = \frac{7^{2024}}{7^{2024} + 5} = \frac{7^{2024} + 5 - 5}{7^{2024} + 5} = \frac{7^{2024} + 5}{7^{2024} + 5} - \frac{5}{7^{2024} + 5} = 1 - \frac{5}{7^{2024} + 5} < 1.$$

Vậy $A > B$

0,25đ

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II TOÁN 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chương 5: Phân số (14 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số (5 tiết)	3 (TN1-2) 0,5đ			1 (TL1) 1,0đ					55,0
		Các phép tính với phân số (9 tiết)			1 (TL2) 1,0đ		2 (TL3,4) 2,0 đ		1 (TL10) 1,0 đ		
2	Chương 7: Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên (5 tiết)	Hình có trục đối xứng. (2 tiết)	1 (TN3) 0,25đ	1 (TL5) 1,0đ							20,0
		Hình có tâm đối xứng. (2 tiết)	1 (TN4) 0,25đ	1 (TL6) 0,5đ							
		Vai trò tính đối xứng trong tự nhiên (1 tiết)									
3	Chương 8: Các hình hình học cơ bản (8 tiết)	Điểm. Đường thẳng (1 tiết)	1 (TN5) 0,25đ			1 (TL8) 0,25đ					25,0
		Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng (1 tiết)	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL7) 0,5đ							
		Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia (2 tiết)	2 (TN7,8) 0,5đ			1 (TL8) 0,25đ					
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (2 tiết)				1 (TL9) 0,5đ					
		Trung điểm đoạn thẳng (2 tiết)									
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	3 2,0		6 3,0		2 2,0	1 1,0	10,0	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%	100%	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Chú ý:

- Tổng tiết : 27 tiết

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKII TOÁN 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Chương 5: Phân số (14 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số (5 tiết)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – So sánh được hai phân số cho trước. 	2TN (TN1,2)	1TL (TL1)		
		Các phép tính với phân số (9 tiết)	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). 		1TL (TL2)	2TL (TL3,4)	1TL (TL10)

2	Chương 7: Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên (5 tiết)	Hình có trục đối xứng, (2 tiết)	Nhận biết: – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	1TN (TN 3) 1 TL (TL5)			
		Hình có tâm đối xứng (2 tiết)	Nhận biết: – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	1TN (TN 4) 1TL (TL6)			
		Vai trò tính đối xứng trong tự nhiên (1 tiết)	Nhận biết: – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).				
3	Chương 8: Các hình hình học cơ bản (8 tiết)	Điểm. Đường thẳng (1 tiết)	Nhận biết: – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.	1TN (TN 5)	1TL (TL7)		
		Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng (1 tiết)		1TN (TN 6)			
		Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia (2 tiết)		2 TN (TN7,8)	1TL (TL8)		

			<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia. 				
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (2 tiết)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. 		1TL (TL9)		
		Trung điểm đoạn thẳng (2 tiết)					

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (2,0 điểm). Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. *Hãy ghi phương án đúng trong mỗi câu dưới đây vào giấy làm bài kiểm tra:*

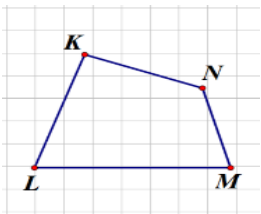
Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-2,5}{4}$ B. $\frac{-15}{27}$ C. $\frac{2,3}{4,5}$ D. $\frac{25}{0}$

Câu 2. Phân số nào bằng phân số $\frac{-3}{5}$ là

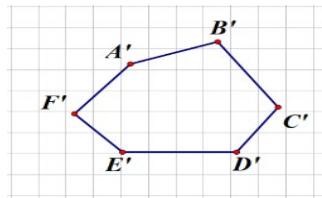
- A. $-\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{10}$ C. $\frac{-6}{15}$ D. $\frac{-6}{-15}$

Câu 3. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



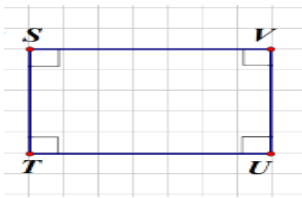
(hình 1)

A.Hình 1



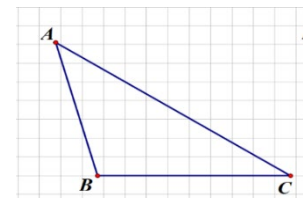
(hình 2)

B.Hình 2



(hình 3)

C.Hình 3



(hình 4)

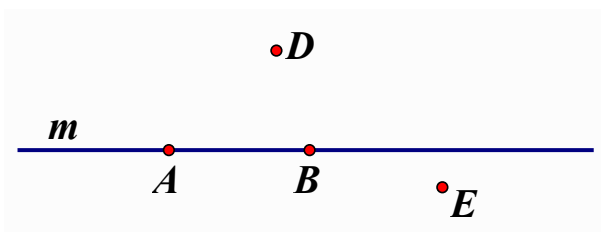
D.Hình 4

Câu 4. Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có tâm đối xứng ?

T E C H I N

- A. Chữ H, I, N B. Chữ T, E, C C. Chữ E, H, I D. Chữ C, H, I

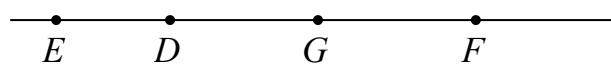
Câu 5. Cho hình vẽ



Chọn phát biểu **đúng** trong các phát biểu sau:

- A. $D \in m$ B. $E \in m$ C. $A \in m$ D. $B \notin m$

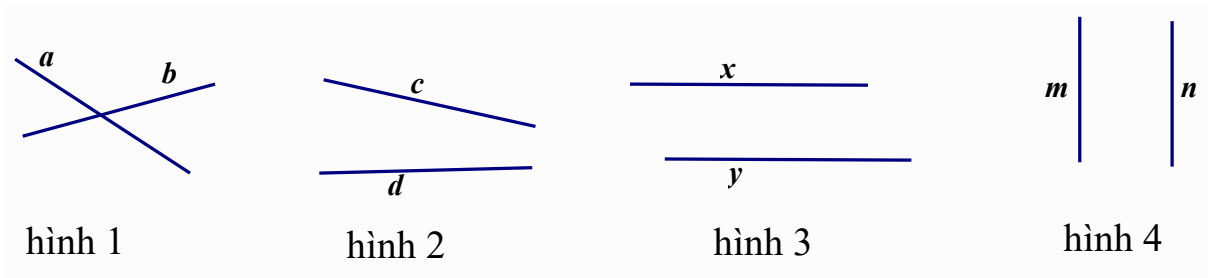
Câu 6. Cho hình vẽ sau:



Số bộ ba điểm thẳng hàng có trong hình vẽ trên là:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7. Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau :

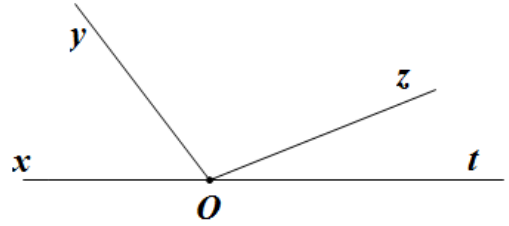
A. Hai đường thẳng a và b cắt nhau.

B. Hai đường thẳng c và d song song với nhau.

C. Hai đường thẳng x và y cắt nhau.

D. Hai đường thẳng m và n cắt nhau .

Câu 8. Có bao nhiêu tia gốc O trong hình vẽ đã cho :



A. 1 .

B. 2 .

C. 3 .

D. 4 .

Phần 2: Tự luận (8,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) So sánh hai phân số sau: $\frac{-8}{15}$ và $\frac{-5}{12}$.

Bài 2. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: $\frac{-2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$

Bài 3. (1,0 điểm)

a/ Tìm x, biết: $\frac{-5}{4}x - \frac{3}{2} = \frac{-7}{4}$

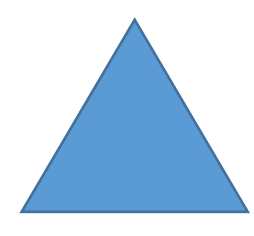
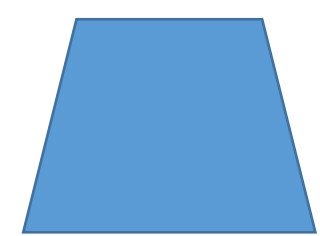
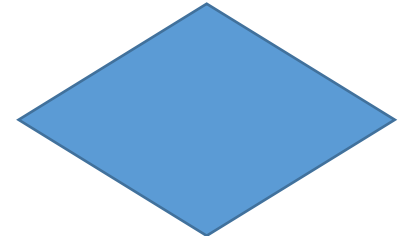
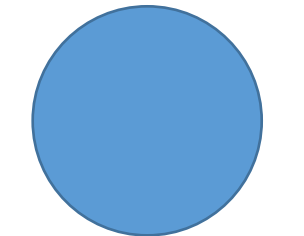
b/ Tính hợp lý: $\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

Bài 4. (1,0 điểm) Lớp 6A có 48 học sinh được xếp thành 4 loại: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt, trong đó có số học sinh đạt loại Tốt chiếm $\frac{1}{6}$ số học sinh của cả lớp. Số học sinh Khá chiếm $\frac{1}{2}$ số học sinh





còn lại; số học sinh Chưa đạt chiếm $\frac{1}{12}$ số học sinh của lớp. Tính số học sinh có kết quả học tập mức Đạt của lớp 6A.

Bài 5. (1,5 điểm)

a/ Trong các hình dưới đây, hình nào có trục đối xứng?

			
Tam giác đều	Hình thang cân	Hình thoi	Hình tròn

b/ Cho các hình vẽ sau. Hãy chỉ ra những hình có tâm đối xứng?

			
<i>Biểu tượng ASEAN</i>	<i>Biểu tượng UNESCO</i>	<i>Cánh quạt</i>	<i>Hình trái tim</i>

Bài 6. (1,5 điểm)

a/ *Vẽ hình theo diễn đạt sau:*

- Vẽ 3 điểm M, N, P không thẳng hàng.
- Vẽ tia NP và đường thẳng MP.
- Vẽ đường thẳng a qua điểm N và song song với đường thẳng MP

b/ Vẽ đoạn thẳng AB dài 6cm. Lấy điểm I trên đoạn thẳng AB sao cho AI = 2cm. Tính độ dài đoạn thẳng IB.

Bài 7. (1,0 điểm) Tính hợp lý: $M = \frac{1}{10} + \frac{1}{40} + \frac{1}{88} + \frac{1}{154} + \frac{1}{238} + \frac{1}{340}$

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

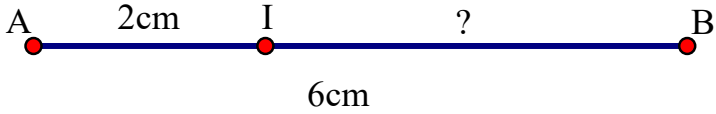
Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	A	C	D	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài	Câu	Nội dung	Điểm
1		$\frac{-8}{15} \text{ và } \frac{-5}{12}$ <p>MSC=60</p> $\frac{-8}{15} = \frac{-8.4}{15.4} = \frac{-32}{60}$ $\frac{-5}{12} = \frac{-5.5}{12.5} = \frac{-25}{60}$ <p>Vì $\frac{-32}{60} < \frac{-25}{60}$ nên $\frac{-8}{15} < \frac{-5}{12}$</p> <p><i>Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa</i></p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đx2</p>
2		$\frac{-2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$ $= \frac{-6}{15} - \frac{25}{15} + \frac{7}{15}$ $= \frac{-24}{15}$ $= \frac{-8}{5}$	<p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
3	a	$\frac{-5}{4}x - \frac{3}{2} = \frac{-7}{4}$ $\frac{-5}{4}x = \frac{-7}{4} + \frac{3}{2}$ $\frac{-5}{4}x = \frac{-1}{4}$ $x = \frac{1}{5}$	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
	b	$\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$ $= \frac{11}{19} \cdot \left(\frac{-10}{17} + \frac{-5}{17} + \frac{-2}{17} \right)$ $= \frac{11}{19} \cdot (-1) = \frac{-11}{19}$	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
4		<p>Số học sinh đạt loại Tốt là:</p> $48 \cdot \frac{1}{6} = 8 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh đạt loại Khá là:</p>	0,25đx4

		$(48 - 8) \cdot \frac{1}{2} = 20$ (học sinh) Số học sinh Chưa đạt là: $48 \cdot \frac{1}{12} = 4$ (học sinh) Số học sinh có kết quả học tập mức Đạt là: $48 - 8 - 20 - 4 = 16$ (học sinh)	
5	a	Hình có trục đối xứng là tam giác đều, hình thang cân, hình thoi, hình tròn.	0,25đx4
	b	Hình có tâm đối xứng là biểu tượng Asean, cánh quạt.	0,25đx2
6	a	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ 3 điểm không thẳng hàng - Vẽ đường thẳng MP, tia NP - Vẽ đường thẳng a qua điểm N và song song với đường thẳng MP 	0,25đ 0,25đx2 0,25đ
	b	 <p>Ta có $AB = AI + IB$ $IB = AB - AI = 6 - 2 = 4$ (cm)</p>	0,25đ 0,25đ
7		$M = \frac{1}{10} + \frac{1}{40} + \frac{1}{88} + \frac{1}{154} + \frac{1}{238} + \frac{1}{340}$ $= \frac{1}{2.5} + \frac{1}{5.8} + \frac{1}{8.11} + \frac{1}{11.14} + \frac{1}{14.17} + \frac{1}{17.20}$ $= \frac{1}{3} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{8} + \frac{1}{8} - \frac{1}{11} + \frac{1}{11} - \frac{1}{14} + \frac{1}{14} - \frac{1}{17} + \frac{1}{17} - \frac{1}{20} \right)$ $= \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{20} \right) = \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{10-1}{20} \right) = \frac{3}{20}$	0,25đx4

(Ghi chú: Nếu học sinh đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn chấm điểm tối đa)

Trường THCS Kiên Thiết Quận 3 Lớp Phòng		ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II Năm học 2023 - 2024		Số thứ tự
Môn: Toán 6 Thời gian: <i>90 phút</i>	Số báo danh	Chữ ký Giám thị 1	Chữ ký Giám thị 2	Số phách

✂

Điểm bằng số	Nhận xét của Giám khảo	Chữ ký Giám khảo 1	Chữ ký Giám khảo 2	Số thứ tự
Điểm bằng chữ				Số phách

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN TOÁN Khối : 6

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 ĐIỂM)

Em hãy chọn đáp án đúng nhất và ghi vào ô trả lời bên dưới

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 1. Cho $A = \frac{-1}{2} + \frac{4}{5}$. Hỏi giá trị của A là số nào sau đây?

- A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{-5}{4}$ D. $\frac{5}{4}$

Câu 2. Phân số nào sau đây chưa tối giản

- A. $\frac{1}{15}$ B. $\frac{7}{19}$ C. $\frac{-3}{16}$ D. $\frac{-15}{10}$

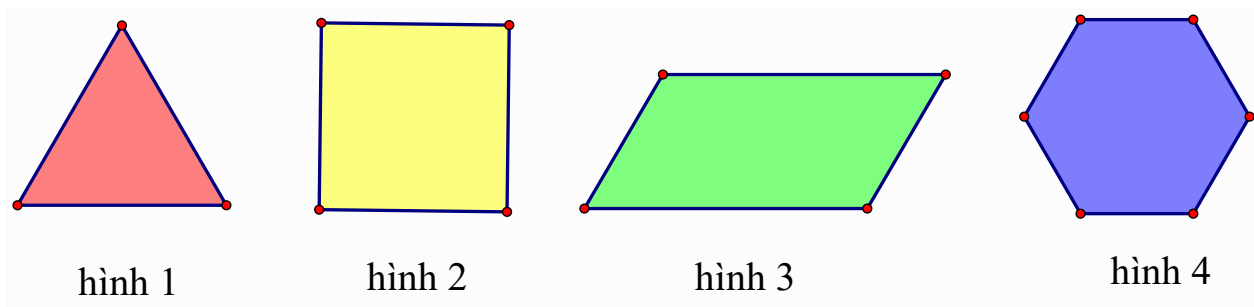
Câu 3. $\frac{4}{5}$ của 30 trang sách là:

- A. 24 trang B. 20 trang C. 15 trang D. 10 trang

Câu 4. Biết $\frac{2}{3}$ của B là 12. Giá trị của B là:

- A. 8 B. 18 C. 15 D. 20

Câu 5. Trong các hình sau, hình nào *không có* trục đối xứng ?



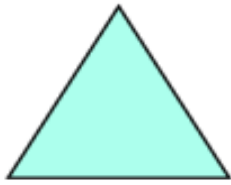
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 6. Cho hình vẽ sau:



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

Có bao nhiêu hình có tâm đối xứng?

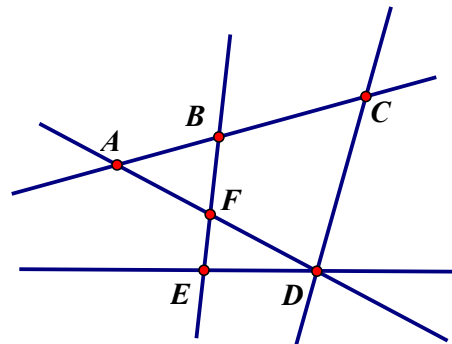
A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7. Trong hình vẽ bên số bộ ba điểm thẳng hàng là



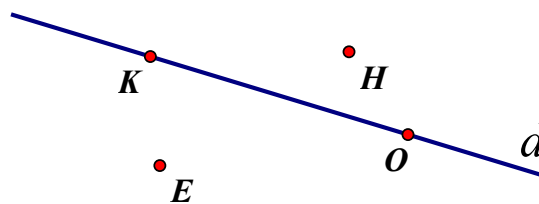
A. 5 bộ

B. 4 bộ

C. 3 bộ

D. 1 bộ

Câu 8. Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào?



A. K, O

B. K, H

C. O, E

D. E, H

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY



PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Câu 1 (1,0 điểm): So sánh hai phân số : $\frac{-7}{18}$ và $\frac{5}{-12}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (3,0 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{5} - \frac{1}{3} + \frac{8}{15}$

b) $\frac{-2}{7} + \frac{16}{3} \cdot \frac{3}{7}$

c) $\frac{-2}{11} \cdot \frac{3}{8} + \frac{-2}{11} \cdot \frac{13}{8}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY



Câu 3 (1,0 điểm): Lớp 6A có 30 học sinh, số học sinh tham gia đội nghi thức chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh cả lớp. Tính số học sinh không tham gia đội nghi thức của lớp 6A.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4 (1,0 điểm): Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi 1 chảy trong 10 giờ thì đầy bể, vòi 2 chảy trong 6 giờ thì đầy bể. Hỏi cả hai vòi cùng chảy thì trong bao lâu sẽ đầy bể?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

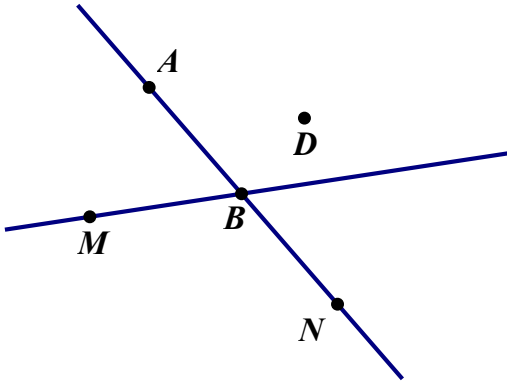
.....

.....

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY



Câu 5 (1,0 điểm): Cho hình vẽ



- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và N.
- d) Kể tên một tia gốc A.

.....

.....

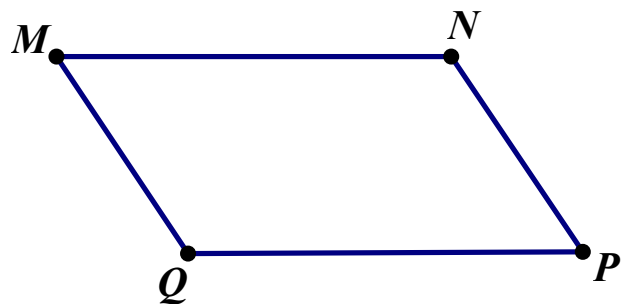
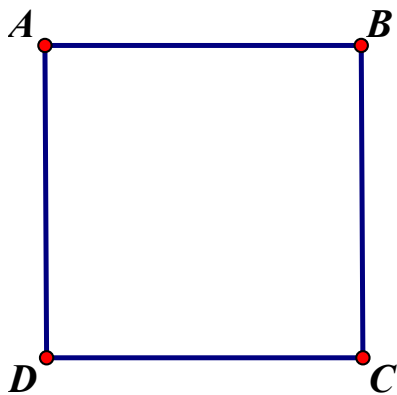
.....

.....

.....

Câu 6 (1,0 điểm):

- a) Hãy vẽ tất cả các trục đối xứng của hình vuông ABCD.
- b) Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình bình hành MNPQ.



HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY



HẾT

*Học sinh không được sử dụng tài liệu.
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

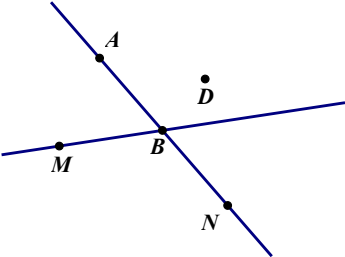
ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK2 TOÁN 6

Phần 1. (2 điểm) **Trắc nghiệm khách quan** . Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ.

1	2	3	4	5	6	7	8
A	D	A	B	C	A	C	A

Phần 2. (8 điểm) **Tự luận** .

	Điểm
<p>Bài 1. (1 điểm)</p> <p>So sánh hai phân số : $\frac{-7}{18}$ và $\frac{5}{-12}$</p> <p>Quy đồng</p> $\frac{-7}{18} = \frac{-7 \cdot 2}{18 \cdot 2} = \frac{-14}{36}$ $\frac{5}{-12} = \frac{5 \cdot (-3)}{(-12) \cdot (-3)} = \frac{-15}{36}$ <p>Vì $\frac{-14}{36} > \frac{-15}{36}$</p> <p>nên $\frac{-7}{18} > \frac{5}{-12}$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Bài 2. (3 điểm)</p> <p>a) $\frac{1}{5} - \frac{1}{3} + \frac{8}{15}$</p> $= \frac{3}{15} - \frac{5}{15} + \frac{8}{15}$ $= \frac{6}{15} = \frac{2}{5}$	<p>0,25x2</p> <p>0,25x2</p>
<p>b) $\frac{-2}{7} + \frac{16}{3} \cdot \frac{3}{7}$</p> $= \frac{-2}{7} + \frac{16}{7}$ $= \frac{14}{7} = 2$	<p>0,5</p> <p>0,25x2</p>
<p>c) $\frac{-2}{19} \cdot \frac{3}{8} + \frac{-2}{19} \cdot \frac{-11}{8}$</p> $= \frac{-2}{19} \cdot \left(\frac{3}{8} + \frac{-11}{8} \right)$	<p>0,5</p>

$= \frac{-2}{19} \cdot (-1) = \frac{2}{19}$	0,25x2
<p>Bài 3. (1 điểm)</p> <p>Số học sinh tham gia đội nghi thức của lớp 6A là:</p> $30 \cdot \frac{2}{5} = 12 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh không tham gia đội nghi thức của lớp 6A là:</p> $30 - 12 = 18 \text{ (học sinh)}$ <p>Vậy lớp 6A có 18 học sinh không tham gia đội nghi thức.</p>	0,5 0,5
<p>Bài 4. (1 điểm)</p> <p>a) số phần bể trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy là:</p> $1:10 = \frac{1}{10} \text{ (bể)}$ <p>số phần bể trong 1 giờ vòi thứ hai chảy là:</p> $1:6 = \frac{1}{6} \text{ (bể)}$ <p>số phần bể trong 1 giờ cả hai vòi cùng chảy là:</p> $\frac{1}{10} + \frac{1}{6} = \frac{4}{15} \text{ (bể)}$ <p>Thời gian hai vòi cùng chảy đầy bể là :</p> $1: \frac{4}{15} = \frac{15}{4} = 4 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$	0,25 0,25 0,25 0,25
<p>Bài 5. (1 điểm)</p>  <p>a) Bộ ba điểm thẳng hàng là: A,B,N</p> <p>b) Học sinh kể tên đúng 1 bộ ba điểm không thẳng hàng.</p> <p>c) Điểm B nằm giữa hai điểm A và N .</p> <p>d) Học sinh kể tên đúng một tia gốc A.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
<p>Bài 6. (1 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ đúng 4 trục đối xứng của hình vuông ABCD - Vẽ đúng tâm đối xứng hình bình hành MNPQ 	0,5 0,5

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HKII – MÔN : TOÁN 6

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Ngày 18/03/2024.
- Thời gian làm bài: 90 phút.
- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận.
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề:
 - Phần trắc nghiệm: 2 điểm.
 - Phần tự luận: 8 điểm.

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số (16 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	1 (TN2) 0,25đ			1 (TL1) 1đ					60
		Các phép tính với phân số	3 (TN1,3, 4) 0,75đ			2 (TL2ab) 2đ		3 (TL2c; TL3) 2đ		1 (TL4) 1đ	

2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên (9 tiết)	Hình có trục đối xứng	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL6a) 0,5đ						20	
		Hình có tâm đối xứng	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL6b) 0,5đ							
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên									
3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đường thẳng, tia	2 (TN7,8) 0,5đ	4 (TL5a,b,c,d) 1đ						20	
		Tổng số câu	8	6		3		3		1	21
		Tổng điểm	2,0	2,0		3,0		2,0		1,0	10,0
		Tỉ lệ %	40%		30%		20%		10%		100%
		Tỉ lệ chung	70%			30%			100%		

b) Bản đặc tả

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Thông hiểu - So sánh được hai phân số cho trước.	1TN (TN2)	1TL (TL1)		
		Các phép tính với phân số	Thông hiểu : - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.	3TN (TN1,3, 4)	2TL (TL2a,b)		
		Vận dụng : -- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một			3TL (TL2c+ TL3)		

			<p>cách hợp lí).</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.</p>				
			<p>Vận dụng cao :</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.</p>				<p>1TL</p> <p>(TL4)</p>
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	<p>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</p>	Hình có trục đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.</p> <p>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	<p>1TN</p> <p>(TN5)</p> <p>1TL</p> <p>(TL6a)</p>			
		Hình có tâm đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.</p> <p>– Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	<p>1TN</p> <p>(TN6)</p> <p>1TL</p> <p>(TL6b)</p>			

		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). 				
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia, hai đường thẳng cắt nhau, song song. 	<p>2TN</p> <p>(TN7,8)</p> <p>4TL</p> <p>(TL5a,b, c,d)</p>			

Tổng		8TN 6TL	3TL	3TL	1TL
-------------	--	------------	-----	-----	-----

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK II TOÁN 6

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số (16 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	1 (TN1) 0,25đ			1 (TL1) 1,5đ					67,5
		Các phép tính với phân số			2 (TN2,3) 0,5đ	2 (TL2a,b) 1,0đ		3 (TL2b,c TL3) 2,5đ	1 (TL4) 1đ		
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên (9 tiết)	Hình có trục đối xứng	1 (TN4) 0,25đ	1 (TL6) 1,0đ							17,5
		Hình có tâm đối xứng	1 (TN5) 0,25đ								
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	1 (TN7) 0,25đ								

3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đường thẳng, tia	2 (TN7,8) 0,5đ	4 (TL5a, b,c,d) 1đ						15	
Tổng số câu			6	5	2	3		3		1	20
Tổng điểm			1,5	2,0	0,5	2,5		2,5		1,0	10,0
Tỉ lệ %			35%		30%		25%		10%		100%
Tỉ lệ chung			65%				35%				100%

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI TOÁN 6

	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ								
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Nhận biết: – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương. Thông hiểu: – So sánh được hai phân số cho trước.	1TN (TN1)	1TL (TL1)			
			Các phép tính với phân số	Thông hiểu : - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.		2TN (TN2,3) 2TL (TL2a,b)		
			Vận dụng :	-- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.			3TL (TL2c,d TL3)	
			Vận dụng cao :	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.				1TL (TL4)

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng	Nhận biết: – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	1TN (TN4) 1TL (TL6)			
		Hình có tâm đối xứng	Nhận biết: – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	1TN (TN5) 1TL (TL6)			
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	Nhận biết – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	1TN (TN6)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	Nhận biết – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia.	2TN (TN7,8) 4TL (TL5a,b,c,d)			
Tổng				6TN 5TL	3TN 2TL	3TL	1TL
Tỉ lệ %				35%	30%	25%	10%

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 2 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

Phần I. Trắc nghiệm khách quan. (2 điểm)

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{2}{4,5}$ B. $\frac{-18}{27}$ C. $\frac{3,2}{4,5}$ D. $\frac{5}{0}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$ là:

- A. $\frac{-1}{5}$ B. $\frac{-1}{3}$ C. $\frac{1}{6}$ D. $\frac{-1}{6}$

Câu 3.

Tìm một số biết $\frac{4}{5}$ của nó là 20

- A. 25 B. 16 C. $\frac{1}{16}$ D. $\frac{1}{25}$

Câu 4. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 5 Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

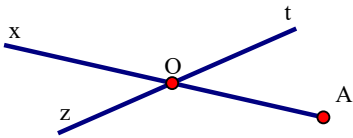
Câu 6.

Biển báo sau có bao nhiêu trục đối xứng



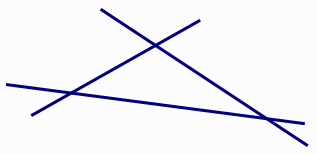
- A. 1 trục
B. 2 trục
C. 3 trục
D. 4 trục

Câu 7 Hình vẽ sau có bao nhiêu tia gốc O



- A. 1 tia B. 2 tia C. 3 tia D. 4 tia

Câu 8. Có bao nhiêu giao điểm được tạo bởi các đường thẳng trong hình vẽ sau:



- A. 4 giao điểm
 B. 3 giao điểm
 C. 2 giao điểm
 D. 1 giao điểm

Phần II. Tự luận (8 điểm)

Bài 1. (1,5đ) So sánh hai phân số $\frac{11}{-5}$ và $\frac{-3}{4}$

Bài 2. (2,5 đ) thực hiện phép tính :

a) $\frac{-1}{15} + \frac{2}{5} - \frac{1}{3}$

c) $\frac{-2}{5} + \left(1 - \frac{3}{5}\right)$

b) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \frac{-9}{10}$

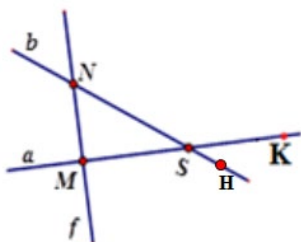
d) $\frac{4}{5} \cdot \frac{6}{17} + \frac{11}{17} \cdot \frac{4}{5}$

Bài 3. (1đ)

Một mảnh sân vườn trồng hoa hình chữ nhật có chiều dài là 30m và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn.

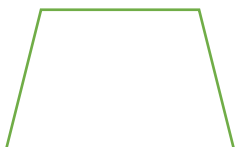
Bài 4. (1đ) Một bác nông dân thu hoạch được 30kg cà chua trong vườn. Biết rằng số cà chua bác thu hoạch được chỉ bằng $\frac{3}{5}$ số cà chua hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu kilogram cà chua và biết 1kg cà chua có giá là 15000 đồng thì với số cà chua thu hoạch được bác bán được bao nhiêu tiền?

Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ



- a) Kể tên các điểm không thuộc đường thẳng b
 b) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
 c) Điểm nào nằm giữa hai điểm N, H
 d) Kể tên một tia gốc H

Bài 6. (1đ) Em hãy vẽ lại hình sau và xác định trục đối xứng của hình.



HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ HỌC KỲ II TOÁN 6
NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (0,25đ/câu)

1. B	2. D	3. A	4. C	5. D	6. A	7. C	8. B
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

II. TỰ LUẬN

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
1 (1,5 điểm)	$\frac{11}{-5} = \frac{-44}{20}; \frac{-3}{4} = \frac{-15}{20}$ <p>vì $\frac{-44}{20} < \frac{-15}{20}$</p> <p>Nên $\frac{11}{-5} < \frac{-3}{4}$</p>	0,5 x 3
2 (2,5 điểm)	a $= \frac{-1}{15} + \frac{6}{15} - \frac{5}{15} = 0$	0,25đ x 2
	b $= \frac{2}{5} + \frac{-2}{3} = \frac{6}{15} + \frac{-10}{15} = \frac{-4}{15}$	0,25đ x 2
	c $= \left(\frac{-2}{5} - \frac{3}{5}\right) + 1 = -1 + 1 = 0$	0,25 x 3
	d $= \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{6}{17} + \frac{11}{17}\right) = \frac{4}{5} \cdot 1 = \frac{4}{5}$	0,25 x 3
3 (1,0 điểm)	a Chiều rộng là: $30 \cdot \frac{3}{5} = 18 (m)$ Diện tích của vườn là: $30 \cdot 18 = 540m^2$	0,5đ x 2
4 (1,0 điểm)	a Số cà chua có trong vườn: $30 : \frac{3}{5} = 50(kg)$ Số cà chua thu hoạch bán được là: $30 \cdot 15000 = 450000$ (đồng)	0,5đ x 2
5 (1,0 điểm)	a HS Kể đúng các điểm không thuộc đường thẳng b	0,25đ
	b Kể đúng một bộ ba điểm thẳng hàng.	0,25đ
	c Điểm S nằm giữa N và H	0,25đ
	d Hs kể đúng một tia gốc H	0,25đ
6 (1,0 điểm)	Hs vẽ lại hình Hs xác định đúng trục của hình	0,5đ x 2

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – MÔN TOÁN - KHỐI 6 - NĂM HỌC 2024 – 2025
I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu 1. Tính giá trị biểu thức: $\left(\frac{-2}{-5} : \frac{3}{-4}\right) \cdot \frac{4}{5}$

- A. $\frac{75}{32}$ B. $\frac{32}{75}$ C. $\frac{-32}{75}$ D. $\frac{-75}{32}$

Câu 2. $\frac{1}{7}$ của 63 là:

- A. 441 B. 8 C. 9 D. $\frac{440}{7}$

Câu 3. Hình sau đây có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4.

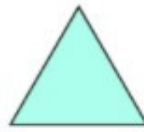


Câu 4. Hình nào sau đây không có tâm đối xứng?

- A. Hình vuông B. Hình tròn C. Hình tam giác đều. D. Hình thoi

Câu 5. Trong các hình sau, hình có tâm đối xứng là

- A. Tam giác đều B. Cánh quạt
C. Trái tim D. Cánh diều



Tam giác đều



Cánh quạt



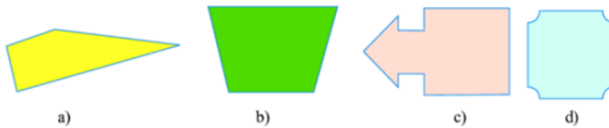
Trái tim



Cánh diều

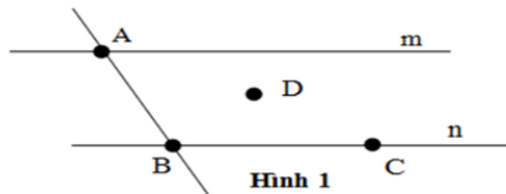
Câu 6. Cho các hình sau, có bao nhiêu hình có trục đối xứng

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4



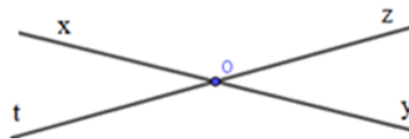
Câu 7. Cho hình vẽ sau. Chọn câu sai.

- A. $A \in m$
B. $A \notin n$
C. $A \in m; A \in n$
D. $A \in m; A \notin n$



Câu 8. Trong hình vẽ sau, có bao nhiêu tia

- A. 2 B. 0
C. 4 D. 1



II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) So sánh hai phân số

- a) $\frac{-25}{9}$ và $\frac{-49}{9}$ b) $\frac{-5}{16}$ và $\frac{-7}{24}$

Câu 2. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính hợp lí nếu có thể

- a) $\frac{-2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{4}{15}$ b) $\frac{-3}{13} + \frac{16}{23} + \frac{-10}{13} + \frac{5}{11} + \frac{7}{23}$ c) $\frac{5}{9} \cdot \frac{23}{11} - \frac{1}{11} \cdot \frac{5}{9} + \frac{8}{9}$

Câu 3. (1,0 điểm) Trên đĩa có 36 quả mận. Bách ăn $\frac{1}{4}$ số mận. Sau đó, Trúc ăn $\frac{2}{3}$ số mận còn lại. Hỏi trên đĩa còn mấy quả mận?

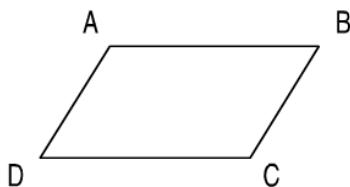
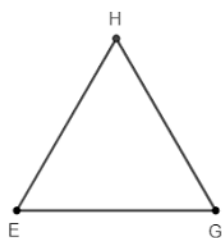
Câu 4. (1,0 điểm) Một đội công nhân phải sửa một đoạn đường trong ba đợt. Đợt thứ nhất đội sửa được $\frac{1}{3}$ đoạn đường. Đợt thứ hai đội sửa $\frac{3}{7}$ đoạn đường còn lại. Đội còn phải sửa thêm 160m đoạn đường nữa ở đợt thứ ba thì hoàn thành kế hoạch. Tính số mét đoạn đường mà đội công nhân được giao theo kế hoạch.

Câu 5. (1,0 điểm)

a) Hình sao biển có bao nhiêu trục đối xứng? Hãy vẽ một trục đối xứng.

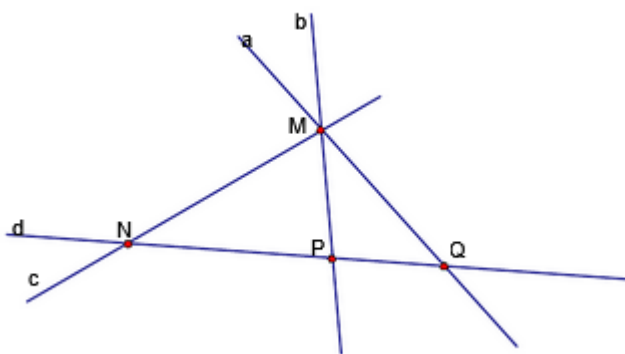


b) Hình nào sau đây có tâm đối xứng? Hãy tìm tâm đối xứng của hình đó.



Câu 6. (1,5 điểm) Cho hình vẽ, hãy trả lời các câu hỏi sau

- Điểm M thuộc những đường thẳng nào và không thuộc đường thẳng nào?
- Trong bốn điểm M, N, P, Q thì ba điểm nào thẳng hàng và điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.
- Hãy nêu hai tia góc P



HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (2 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8
B	C	A	C	B	C	D	C

II. TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm
1 (1,5đ)	a) $\frac{-25}{9} > \frac{-49}{9}$ ($-25 > -49$)	0,25.2
	b) $\frac{-5}{16} = \frac{-5.3}{16.3} = \frac{-15}{48}$ $\frac{-7}{24} = \frac{-7.2}{24.2} = \frac{-14}{48}$ Vì $\frac{-15}{48} < \frac{-14}{48}$ ($-15 < -14$) Nên $\frac{-5}{16} < \frac{-7}{24}$	0,25.4
2 (2đ)	a) $\frac{-2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{4}{15}$ $= \frac{-12}{30} + \frac{9}{30} - \frac{8}{30}$ $= \frac{-11}{30}$	0,5.2
	b) $\frac{-3}{13} + \frac{16}{23} + \frac{-10}{13} + \frac{5}{11} + \frac{7}{23}$ $= \left(\frac{-3}{13} + \frac{-10}{13}\right) + \left(\frac{16}{23} + \frac{7}{23}\right) + \frac{5}{11}$ $= -1 + 1 + \frac{5}{11}$ $= 0 + \frac{5}{11}$ $= \frac{5}{11}$	0,25.2
	c) $\frac{5}{9} \cdot \frac{23}{11} - \frac{1}{11} \cdot \frac{5}{9} + \frac{8}{9}$ $= \frac{5}{9} \cdot \left(\frac{23}{11} - \frac{1}{11}\right) + \frac{8}{9}$	

	$= \frac{5}{9} \cdot 2 + \frac{8}{9}$ $= \frac{10}{9} + \frac{8}{9}$ $= 2$	0,25.2
3 (1 đ)	<p>Số quả mận Bách ăn là</p> $36 \cdot \frac{1}{4} = 9 \text{ (quả)}$ <p>Số quả mận Trúc ăn là</p> $(36 - 9) \cdot \frac{2}{3} = 18 \text{ (quả)}$ <p>Số quả mận còn trên đĩa là</p> $36 - 9 - 18 = 9 \text{ (quả)}$	0,25.4
4 (1 đ)	<p>Phần số chỉ đoạn đường còn lại</p> $1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3} \text{ (đoạn đường)}$ <p>Phần số chỉ đoạn đường đội thứ 2 sửa</p> $\frac{3}{7} \cdot \frac{2}{3} = \frac{2}{7} \text{ (đoạn đường)}$ <p>Phần số chỉ đoạn đường đội thứ 3 sửa</p> $1 - \frac{1}{3} - \frac{2}{7} = \frac{8}{21} \text{ (đoạn đường)}$ <p>Số mét đường mà đội công nhân được giao theo kế hoạch là</p> $160 : \frac{8}{21} = 420 \text{ (m)}$	0,25.4
5 (1 đ)	<p>Câu 5. (1,0 điểm)</p> <p>a) Hình sao biển có 5 trục đối xứng, vẽ một trục đối xứng.</p> <p>b) Hình bình hành có tâm đối xứng, tìm tâm đối xứng</p>	0,25.2 0,25.2
6 (1,5 đ)	<p>a) Điểm M thuộc những đường thẳng a, b, c và không thuộc đường thẳng d</p> <p>b) Trong bốn điểm M, N, P, Q thì ba điểm N, P, Q thẳng hàng và điểm P nằm giữa hai điểm còn lại.</p> <p>c) hai tia gốc P là PM, PN</p>	0,25.2 0,25.2 0,25.2

HS giải cách khác vẫn chấm theo thang điểm

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 2 trang)

Thời gian làm bài: 60 phút
(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Học sinh ghi vào giấy bài làm câu trả lời đúng (ví dụ: 1A; 2B; 3C; ...)

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào **không** là phân số:

- A. $\frac{-5}{4}$ B. $\frac{-7}{-8}$ C. $\frac{4}{-11}$ D. $\frac{12}{0}$

Câu 2. Trong các cặp phân số sau, cặp phân số nào bằng nhau?

- A. $\frac{-5}{7} = \frac{-10}{14}$ B. $\frac{-1}{5} = \frac{2}{8}$ C. $\frac{-5}{17} = \frac{-1}{5}$ D. $\frac{-9}{11} = \frac{-2}{7}$

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{132}{-264}$ ta được:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{-1}{2}$ C. $\frac{-1}{-2}$ D. $\frac{1}{-3}$

Câu 4. Số đối của phân số $\frac{7}{8}$ là:

- A. $\frac{-7}{8}$ B. $\frac{-7}{-8}$ C. $\frac{8}{7}$ D. $\frac{-8}{7}$

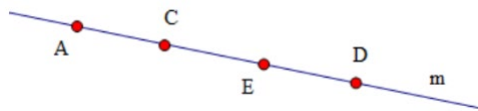
Câu 5. Hình bình hành có mấy trục đối xứng?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 6. Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng?

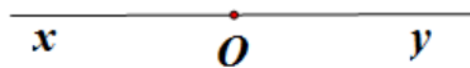
- A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình bình hành D. Tam giác đều

Câu 7. Trong hình vẽ dưới đây, điểm nào nằm giữa hai điểm C và D ?



- A. Điểm A B. Điểm E C. Điểm C D. Điểm D

Câu 8. Trên hình vẽ có 2 tia là



- A. Ox, Oy B. xO, yO C. Ox, yO D. xO, Oy

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)**Bài 1.** (1,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{-3}{20} + \frac{4}{5} - \frac{7}{4}$

b) $\frac{-9}{11} \cdot \frac{17}{23} + \frac{-9}{11} \cdot \frac{6}{23}$

Bài 2. (1,0 điểm) Tìm x biết:

a) $x - \frac{1}{3} = \frac{5}{6} \cdot \frac{1}{4}$

b) $\frac{1}{2}x + \frac{-3}{4} = \frac{8}{9}$

Bài 3. (1,0 điểm) Bạn An đã đọc hết một cuốn sách dày 90 trang trong 3 ngày. Biết ngày thứ nhất bạn An đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách, ngày thứ hai bạn An đọc được $\frac{3}{5}$ số trang sách còn lại sau ngày thứ nhất đọc. Tính số trang sách bạn An đã đọc trong mỗi ngày.**Bài 4.** (2,0 điểm) Cho cụm từ HOC CHAM NGOAN, em hãy liệt kê tất cả:

- Chữ cái có trục đối xứng trong cụm từ trên.
- Chữ cái có tâm đối xứng trong cụm từ trên.
- Chữ cái vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng trong cụm từ trên.

Bài 5. (1,0 điểm) Vẽ hình theo diễn đạt sau:

- Đường thẳng MN.
- Ba điểm A, B, C thẳng hàng.
- Hai đường thẳng a, b cắt nhau tại I.
- Đoạn thẳng EF dài 5cm.

Bài 6. (1,0 điểm) Cho đoạn thẳng AB dài 8cm, vẽ điểm O nằm giữa 2 điểm A và B sao cho OA=3cm. Tính độ dài đoạn thẳng OB ?**Bài 7.** (1,0 điểm) Chị Út mang một số cam ra chợ bán. Sau khi bán $\frac{3}{7}$ số cam và 5 quả thì chị còn lại 31 quả. Tính số cam chị Út mang đi bán.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ A

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 (2023-2024) – MÔN TOÁN 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng: 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8
D	A	B	A	A	D	B	A

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

BÀI	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1đ)	a (0,5đ)	$\frac{-3}{20} + \frac{4}{5} - \frac{7}{4} = \frac{-3}{20} + \frac{16}{20} - \frac{35}{20} = \frac{-11}{10}$	2x0,25đ
	b (0,5đ)	$\frac{-9}{11} \cdot \frac{17}{23} + \frac{-9}{11} \cdot \frac{6}{23} = \frac{-9}{11} \cdot \left(\frac{17}{23} + \frac{6}{23} \right) = \frac{-9}{11}$	2x0,25đ
2 (1đ)	a (0,5đ)	$x - \frac{1}{3} = \frac{5}{6} \cdot \frac{1}{4}; \quad x - \frac{1}{3} = \frac{5}{24}; \quad x = \frac{13}{24}$	2x0,25đ
	b (0,5đ)	$\frac{1}{2}x + \frac{-3}{4} = \frac{8}{9}; \quad \frac{1}{2}x = \frac{59}{36}; \quad x = \frac{59}{18}$	2x0,25đ
3 (1đ)		Số trang sách ngày thứ nhất đọc: $90 \cdot \frac{4}{9} = 40$ (trang) Số trang còn lại sau ngày thứ nhất đọc: $90 - 40 = 50$ (trang) Số trang sách ngày hai đọc: $50 \cdot \frac{3}{5} = 30$ (trang) Số trang ngày ba đọc : $90 - 40 - 30 = 20$ (trang)	4x0,25đ
4 (2đ)	a (0,75đ)	Chữ cái có trục đối xứng là: H, O, C, A, M (thiếu 1 chữ trừ 0,25đ)	0,75đ
	b (0,75đ)	Chữ cái có tâm đối xứng là: H, O, N (thiếu 1 chữ trừ 0,25đ)	0,75đ
	c (0,5đ)	Chữ cái vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng là: H, O (thiếu 1 chữ trừ 0,25đ)	0,75đ
5 (1đ)		Vẽ hình đúng	4x0,25đ
6 (1đ)		Vẽ hình đúng số đo đúng vị trí điểm A, O, B Vì điểm O nằm giữa A và B Nên $OB = AB - OA = 8 - 3 = 5$ (cm) Vậy $OB = 5$ cm	4x0,25đ
7 (1đ)		Sau khi bán $\frac{3}{7}$ số cam thì số cam còn lại: $31 + 5 = 36$ (quả)	0,5đ
		Phân số ứng với 36 quả là: $1 - \frac{3}{7} = \frac{4}{7}$ số cam	0,25đ
		Số cam chị Út mang đi bán là : $36 : \frac{4}{7} = 63$ (quả)	0,25đ

Lưu ý:

Học sinh có cách giải khác nếu đúng thì giáo viên dựa trên thang điểm chung để chấm.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6

T T	Chương/C hủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TN K Q	TL	
1	Phân số (16 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số			1 (TN1 , TN2) 0,5đ	1 (TL 1) 2,0đ					60
		Các phép tính với phân số			3 (TN3 ;4) 0,5đ	1 (TL 2a) 1,0đ		3 TL2 b TL3 a,b 2,0đ	1 (T L4) 1đ		
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên (9 tiết)	Hình có trục đối xứng	1 (TN 5) 0,25 đ	1 (TL 6a) 0,5đ						20	
		Hình có tâm đối xứng	1 (TN 6) 0,25 đ	1 (TL 6b) 0,5đ							
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên									
3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đường thẳng, tia	2 (TN 7, 8) 0,5đ	1 (TL 5) 1đ						20	
Tổng số câu			8	3	4	2		3	1	18	

Tổng điểm	1,0	2,0	1,0	3,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %	30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung	70%				30%				100%

*Ghi chú : tổng số tiết : 32

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề có 02 trang)

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 ĐIỂM)

Chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: 1. C; 2. B)

Câu 1: Số đối của $\frac{3}{7}$ là:

- A. $-\frac{3}{7}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $-\frac{3}{-7}$ D. $\frac{7}{3}$

Câu 2: $\frac{4}{5}$ của -40 là:

- A. 50 B. -32 C. 32 D. -50

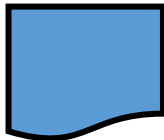
Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{1}{2} + \frac{-4}{5}\right) : \frac{2}{-3}$ là:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $-\frac{9}{20}$ C. $\frac{9}{20}$ D. $-\frac{1}{5}$

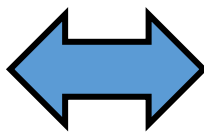
Câu 4: Tìm một số biết $\frac{2}{5}$ của nó là 20.

- A. Số đó là -8 . B. Số đó là 8.
C. Số đó là -50 . D. Số đó là 50.

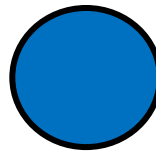
Câu 5: Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



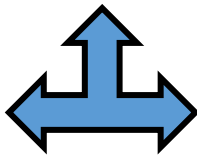
Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

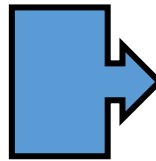
Câu 6: Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



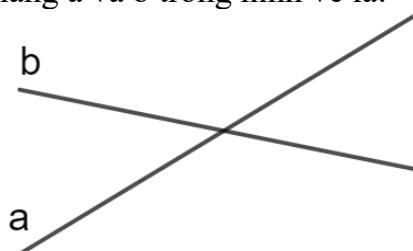
Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 7: Mối quan hệ của đường thẳng a và b trong hình vẽ là:



- A. Trùng nhau. B. Cắt nhau.
C. Song song. D. Không có điểm chung.

Câu 8: Hai đường thẳng song song thì :

- A. Có vô số điểm chung.
- B. Có một điểm chung.
- C. Có hai điểm chung.
- D. Không có điểm chung.

PHẦN II. TỰ LUẬN : (8,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính hợp lý:

a) $\frac{5}{7} - \frac{-2}{9} + \frac{-5}{7}$;

b) $\frac{-5}{23} \cdot \frac{17}{26} - \frac{5}{23} \cdot \frac{9}{26}$;

c) $\frac{7}{9} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{9} \cdot \frac{6}{11} + \frac{2}{9}$;

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm x:

a) $\frac{-1}{3} + x = \frac{-7}{12}$;

b) $\frac{-2}{5} - \frac{3}{5}x = \frac{1}{2}$;

Bài 3. (1,0 điểm) Trên mảnh vườn của gia đình, Bác Minh thu hoạch được 60kg dưa chuột và 24kg cà chua.

a) Bác Minh đem bán $\frac{3}{4}$ số dưa chuột đó, giá mỗi ki-lô-gam dưa chuột là 15 000 đồng. Hỏi bác Minh thu được bao nhiêu tiền?

b) Số cà chua bác Minh thu hoạch được chỉ bằng $\frac{3}{5}$ số cà chua hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu ki-lô-gam cà chua?

Bài 4: (1,0 điểm). Tìm x :

$$\frac{x+1}{99} + \frac{x+2}{98} + \frac{x+3}{97} + \frac{x+4}{96} = -4;$$

Bài 5: (1,0 điểm) Em hãy vẽ ba điểm K; F;C không thẳng hàng rồi sau đó:

Vẽ đường thẳng KF; đoạn thẳng KC; tia CF.

Qua C, vẽ đường thẳng d song song với KF.

Bài 6. (1,0 điểm)



a) Em vẽ hình 1 rồi sau đó vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của Hình 1;

b) Em vẽ hình 2 rồi tìm I là tâm đối xứng của Hình 2.

-Hết-

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

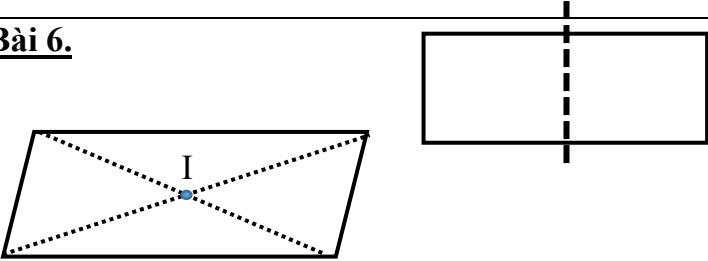
ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM :

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	D	A	B	C	D

B. TỰ LUẬN

CÂU		NỘI DUNG
1 (2 điểm)		<p>Bài 1. (1 đ)</p> <p>a) $\frac{5}{7} - \frac{-2}{9} + \frac{-5}{7} = \left(\frac{5}{7} + \frac{-5}{7}\right) + \frac{2}{9} = 0 + \frac{2}{9} = \frac{2}{9}$</p> <p>b) $\frac{-5}{23} \cdot \frac{17}{26} - \frac{5}{23} \cdot \frac{9}{26} = \frac{-5}{23} \cdot \left(\frac{17}{26} + \frac{9}{26}\right) = \frac{-5}{23} \cdot 1 = \frac{-5}{23}$.</p> <p>c)</p> $\frac{7}{9} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{9} \cdot \frac{6}{11} + \frac{2}{9} = \frac{7}{9} \cdot \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11}\right) + \frac{2}{9} = \frac{7}{9} \cdot 1 + \frac{2}{9} = \frac{7}{9} + \frac{2}{9} = 1$
Câu 2 (2 điểm)	a (1,0đ)	<p>a) $\frac{-1}{3} + x = \frac{-7}{12}; x = \frac{-7}{12} - \frac{-1}{3};$</p> $x = -\frac{1}{4}$
	b (1,0 đ)	$\frac{-2}{5} - \frac{3}{5}x = \frac{1}{2}$ $\frac{3}{5}x = \frac{-2}{5} - \frac{1}{2} = \frac{-9}{10}$ $x = \frac{-9}{10} : \frac{3}{5}$ $x = \frac{-3}{2};$
3 (1 điểm)		<p>a) Số tiền bác Minh thu được khi bán dưa chuột là :</p> $60 \cdot \frac{3}{4} \cdot 15000 = 675000 \text{ (đồng)}$ <p>b) Số kg cà chua có trong vườn là:</p>

		$24 : \frac{3}{5} = 40 \text{ (kg)}$
4 (1 điểm)		$\frac{x+1}{99} + \frac{x+2}{98} + \frac{x+3}{97} + \frac{x+4}{96} = -4$ $\left(\frac{x+1}{99} + 1\right) + \left(\frac{x+2}{98} + 1\right) + \left(\frac{x+3}{97} + 1\right) + \left(\frac{x+4}{96} + 1\right) = 0$ $\frac{x+100}{99} + \frac{x+100}{98} + \frac{x+100}{97} + \frac{x+100}{96} = 0$ $(x+100) \cdot \left(\frac{1}{99} + \frac{1}{98} + \frac{1}{97} + \frac{1}{96}\right) = 0$ <p>Vi : $\left(\frac{1}{99} + \frac{1}{98} + \frac{1}{97} + \frac{1}{96}\right) \neq 0$</p> <p>Nên</p> $(x+100) = 0$ $x = -100$
5 (1 điểm)	a)	Vẽ 3 điểm K;F ;C không thẳng hàng
	b)	Vẽ đường thẳng KF
	c)	Vẽ đoạn thẳng KC và tia CF
	d)	Vẽ đường thẳng d đi qua C và song song KF
6 (1 điểm)	a) (0,5đ)	<p>Bài 6.</p> 

ĐỀ THAM KHẢO

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM. (2,0 ĐIỂM) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây và ghi vào bài làm:

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-2,5}{4}$. B. $\frac{0}{25}$. C. $\frac{-2,3}{4,5}$. D. $\frac{25}{0}$.

Câu 2: Điều kiện để hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{d}{c}$ bằng nhau là:

- A. $a.b = c.d$ B. $a.c = b.d$ C. $a.d = b.c$ D. $b.a = d.c$

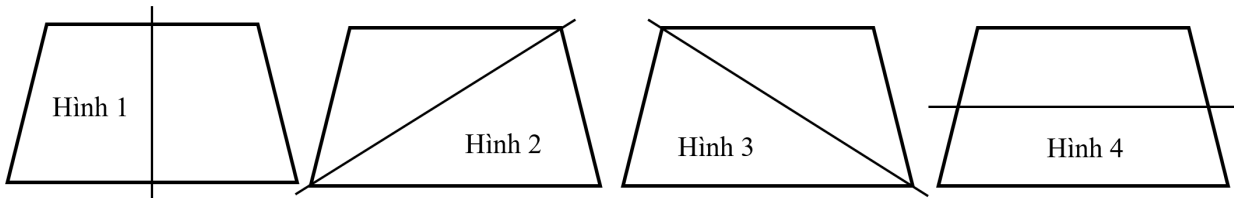
Câu 3: Thực hiện phép tính $\left(\frac{-1}{2} + \frac{2}{5} - \frac{5}{2}\right) \cdot \left(\frac{-30}{78}\right)$ kết quả là:

- A. $\frac{-13}{5}$ B. $\frac{13}{5}$ C. 1 D. -1

Câu 4: Thực hiện phép tính $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} : \frac{5}{6} - \frac{11}{18} \cdot \frac{9}{22}$ kết quả là:

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{-4}{5}$ C. $\frac{5}{9}$ D. $\frac{-5}{9}$

Câu 5: Hình nào dưới đây vẽ đúng trục đối xứng của hình thang cân



- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 6: Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có tâm đối xứng?

T E C H I N

- A. Chữ H, I, N B. Chữ T, E, C C. Chữ E, H, I D. Chữ C, H, I

Câu 7: Hình nào dưới đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1 và hình 2 B. Hình 1 và hình 3
C. Hình 2 và hình 3 D. Hình 1, hình 2 và hình 3

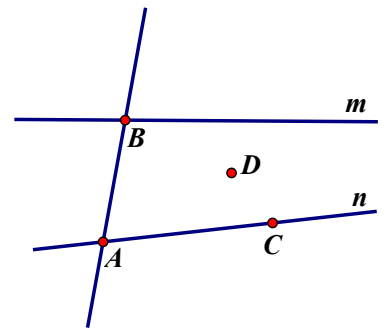
Câu 8: Cho hình vẽ bên. Đường thẳng n đi qua điểm nào?

A. Điểm D

B. Điểm B và điểm C

C. Điểm A và điểm B

D. Điểm A và điểm C



PHẦN 2. TƯ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm) So sánh các phân số sau:

a) $\frac{-7}{12}$ và $\frac{11}{-18}$

b) $\frac{5}{-88}$ và $\frac{-10}{-111}$

Câu 2. (1,5 điểm) Tính hợp lí nếu có thể:

a) $\frac{9}{13} - \frac{13}{21} - \frac{-4}{13} + \frac{-29}{21}$

b) $-\frac{13}{9} + \frac{7}{6} : (-3)$

c) $\frac{25}{6} \cdot \left(\frac{-2}{13}\right) + \left(\frac{-5}{13}\right) \cdot \frac{25}{6} - \frac{6}{13} \cdot \frac{25}{6}$

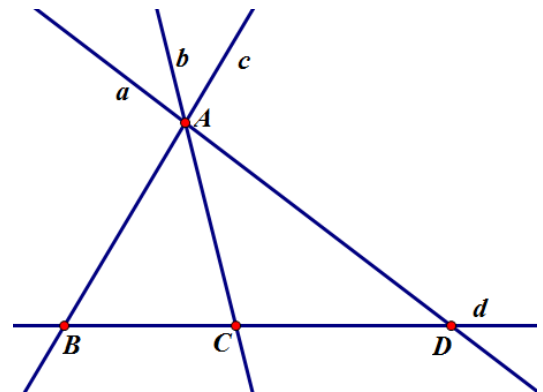
Câu 3. (1 điểm) Tiền lương của một người thợ thủ công trung bình một tháng là 7 000 000 đồng. Mỗi tháng, người này phải nộp $\frac{2}{25}$ số tiền lương vào quỹ bảo hiểm xã hội và $\frac{1}{100}$ số tiền lương vào bảo hiểm y tế. Mỗi tháng người thợ đó thực lãnh được bao nhiêu tiền?

Câu 4. (1 điểm) Bạn Hà đọc một cuốn sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất, Hà đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai, Hà đọc được $\frac{5}{9}$ số trang còn lại. Ngày thứ ba, Hà đọc 80 trang cuối cùng.

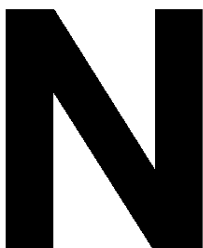
Hỏi cuốn sách Hà đọc có bao nhiêu trang?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho hình vẽ

- Kể tên bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm C thuộc những đường thẳng nào?
(Dùng kí hiệu \in ; \notin để mô tả)
- Đường thẳng nào không chứa điểm A?
(Dùng kí hiệu \in ; \notin để mô tả)



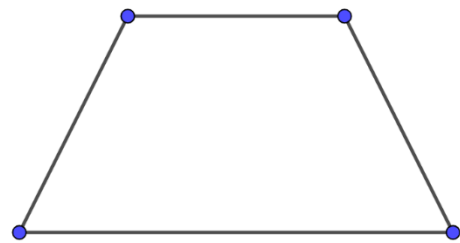
Câu 6. (1,5 điểm) Cho các hình vẽ sau. Hãy cho biết:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- Hình nào có trục đối xứng và có bao nhiêu trục đối xứng?
- Hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?

----- HẾT -----

*Học sinh không được sử dụng tài liệu.
Giám thị không giải thích gì thêm.*

GỢI Ý CHẤM BÀI

TRẮC NGHIỆM

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

1B	2B	3C	4B	5A	6A	7C	8D
----	----	----	----	----	----	----	----

TỰ LUẬN

Câu 1: (1,5)	a) $\frac{-7}{12} = \frac{-7.3}{12.3} = \frac{-21}{36}$	0,25
	$\frac{11}{-18} = \frac{11.(-2)}{-18.(-2)} = \frac{-22}{36}$	0,25
	Vì $\frac{-21}{36} > \frac{-22}{36}$	0,25
	nên $\frac{-7}{12} > \frac{11}{-18}$	0,25
	b) $\frac{5}{-88} = \frac{-5}{88} < 0$	0,25
	$\frac{-10}{-111} = \frac{10}{111} > 0$	0,25
	$\frac{5}{-88} < 0 < \frac{-10}{-111}$	0,25
	Vậy $\frac{5}{-88} < \frac{-10}{-111}$	0,25
<i>(HS có thể so sánh bằng cách quy đồng mẫu số)</i>		
Câu 2: (1,5)	a) $\frac{9}{13} - \frac{13}{21} - \frac{-4}{13} + \frac{-29}{21}$	0,25
	$= \frac{9}{13} - \frac{-4}{13} - \frac{13}{21} + \frac{-29}{21}$	
	$= 1 - 2$	0,25
	$= -1$	
	b) $-\frac{13}{9} + \frac{7}{6} : (-3)$	0,25
	$= -\frac{13}{9} + \frac{7}{6} \cdot \frac{-1}{3}$	
	$= -\frac{13}{9} + \frac{-7}{18}$	
	$= -\frac{26}{18} + \frac{-7}{18}$	
	$= \frac{-11}{6}$	

		0,25
	$c) \frac{25}{6} \cdot \left(\frac{-2}{13}\right) + \left(\frac{-5}{13}\right) \cdot \frac{25}{6} - \frac{6}{13} \cdot \frac{25}{6}$ $= \frac{25}{6} \cdot \left[\left(\frac{-2}{13}\right) + \left(\frac{-5}{13}\right) - \frac{6}{13}\right]$ $= \frac{25}{6} \cdot (-1)$ $= \frac{-25}{6}$	0,25
		0,25
Câu 3 : (1,0)	<p>Số tiền đóng quỹ bảo hiểm xã hội: $7.000.000 \cdot \frac{2}{25} = 560.000$ (đồng)</p> <p>Số tiền đóng quỹ bảo hiểm y tế: $7.000.000 \cdot \frac{1}{100} = 70.000$ (đồng)</p> <p>Tiền lương người thợ đó thực lĩnh là : $7.000.000 - 560.000 - 70.000 = 6.370.000$ (đồng)</p> <p>Kết luận</p>	0,25 x4
Câu 4 : (1,0)	<p>Ngày thứ hai Hà đọc được: $\left(1 - \frac{1}{4}\right) \cdot \frac{5}{9} = \frac{5}{12}$ số trang</p> <p>Số trang sách ngày thứ ba Hà đọc bằng: $1 - \frac{1}{4} - \frac{5}{12} = \frac{1}{3}$ số trang</p> <p>Mà ngày thứ ba Hà đọc 80 trang cuối nên cuốn sách Hà đọc có: $80 : \frac{1}{3} = 240$ (trang)</p> <p>Kết luận</p>	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 5 : (1,0)	a) Ba điểm B, C, D thẳng hàng.	0,25
	b) Ba điểm A, B, C không thẳng hàng. (HS liệt kê đúng bộ ba điểm không thẳng hàng: 0,25đ)	0,25
	c) $C \in b ; C \in d$	0,25
	d) $A \notin d$	0,25
Câu 6 : (1,5)	a) Các hình có trục đối xứng là hình 2, hình 3 + Hình 2 có 4 trục đối xứng + Hình 3 có 1 trục đối xứng	0,5 0,25 0,25
	b) Hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng là: Hình 2	0,5

	tự nhiên (9 tiết)	Hình có tâm đối xứng	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL6b) 0,5đ							
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	1 (TN6) 0,25đ								
3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đường thẳng, tia	2 (TN7,8) 0,5đ	1 (TL5) 1đ						15	
		Tổng số câu	8	3		3		3	2	19	
		Tổng điểm	2,0	2,0		2,0		2,5	1,5	10,0	
		Tỉ lệ %	40%		20%		25%		15%	100%	
		Tỉ lệ chung	60%				40%				100%

*Ghi chú : tổng số tiết : 32

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK2 MÔN TOÁN -LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Nhận biết - Biểu diễn được phân số - Viết được phân số khi biết tử và mẫu của nó - Xác định được phân số đối. Thông hiểu - So sánh được hai phân số cho trước.	3TN (TN1,2 ,3)	2TL (TL1a,1 b)		
		Các phép tính với phân số	Thông hiểu : - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.		1TL (TL2a)		

			<p>Vận dụng :</p> <p>-- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về phân số.</p>			2TL (TL2b,c)	
			<p>Vận dụng cao :</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về phân số.</p>				1TL (TL7)
		Giá trị phân số của một số	<p>Vận dụng :</p> <p>Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán thực tế liên quan đến giá trị phân số của một số.</p>			1TL (TL3)	
			<p>Vận dụng cao :</p> <p>Học sinh biết suy luận vận dụng kiến thức để</p>				1TL (TL4)

			giải bài toán bài toán thực tế liên quan đến tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó.				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	<p>1TN (TN4)</p> <p>1TL (TL6a)</p>			
		Hình có tâm đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	<p>1TN (TN5)</p> <p>1TL (TL6b)</p>			
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự 	<p>1TN (TN6)</p>			

			nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).				
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia. 	2TN (TN7,8) 1TL (TL5)			
Tổng				8TN 3TL	3TL	3TL	1TL
Tỉ lệ %				40%	20%	25%	15%

MÔN: TOÁN - KHỐI 6

(Thời gian làm bài: 90 phút, không tính thời gian giao đề)

Họ tên học sinh: -----Lớp: ----- SBD: -----

(Học sinh lưu ý làm bài trên giấy thi, không làm trên đề)
(Đề thi gồm 03 trang)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

Hãy chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1: Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{7}{-12}$?

A. $\frac{-14}{24}$.

B. $\frac{49}{-72}$.

C. $\frac{12}{-7}$.

D. $\frac{21}{36}$.

Câu 2: Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

A. $\frac{-23}{36}$.

B. $\frac{12}{50}$.

C. $\frac{32}{-6}$.

D. $\frac{-19}{57}$.

Câu 3: Số đối của $\frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{-2}{-3}$.

C. $\frac{-3}{2}$.

D. $\frac{-2}{3}$.

Câu 4: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào **không** có trục đối xứng (xét cả tính đối xứng của họa tiết có trong hình)?



a)



b)



c)



d)

A. Biển báo cấm đi ngược chiều. (Hình a)

B. Biển báo cấm dừng xe và đỗ xe. (Hình b)

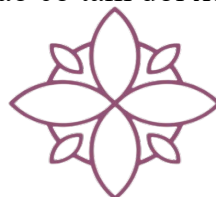
C. Biển báo cấm sử dụng còi. (Hình c)

D. Biển báo đường cấm. (Hình d)

Câu 5: Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2

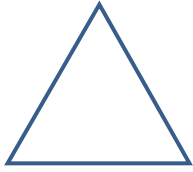


Hình 3

- A. Hình 1 và hình 2.
C. Hình 1 và hình 3.

- B. Hình 2 và hình 3.
D. Cả 3 hình trên.

Câu 6: Hình nào sau đây có cả hai tính đối xứng trục và đối xứng tâm?



- A. Tam giác đều. B. Hình chữ nhật. C. Hình bình hành. D. Hình thang cân.

Câu 7: Cho điểm H nằm giữa hai điểm M và P như hình vẽ bên dưới. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Điểm M và P nằm cùng phía đối với điểm H.
B. Điểm M và H nằm khác phía đối với điểm P.
C. Điểm P và H nằm khác phía đối với điểm M.
D. Điểm M và P nằm khác phía đối với điểm H.



Câu 8: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước?

- A. Vô số đường thẳng. B. Không có đường thẳng nào.
C. Chỉ có một đường thẳng. D. Có hai đường thẳng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Câu 1: (1,5 điểm) So sánh phân số:

a) $\frac{-27}{39}$ và $\frac{-45}{39}$.

b) $\frac{-7}{12}$ và $\frac{5}{-18}$.

Câu 2: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{4}{9} + \frac{5}{3} \cdot \frac{-2}{5}$.

b) $\frac{-13}{18} + \left(\frac{5}{4} - \frac{3}{18} \right)$.

c) $\frac{-4}{5} \cdot \frac{8}{3} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{7}{3}$.

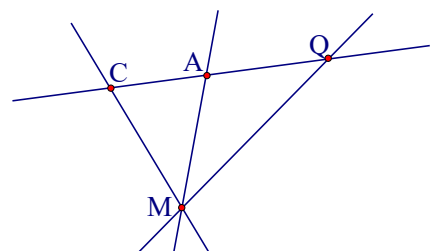
Câu 3: (1,0 điểm) Anh có 21 viên kẹo. Anh cho em $\frac{5}{7}$ số kẹo của mình. Hỏi:

- a) Anh cho em bao nhiêu viên kẹo?
b) Anh còn lại bao nhiêu viên kẹo?

Câu 4: (1,0 điểm) Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả $\frac{1}{4}$ số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp $\frac{3}{5}$ số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau một năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 600 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

Câu 5: (1,0 điểm) Cho hình vẽ bên, em hãy:

- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
c) Cho biết điểm nào nằm giữa hai điểm C và Q?
d) Kể tên một tia gốc A.



Câu 6: (1,0 điểm)

- a) Vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật $MNPQ$.
b) Vẽ điểm O là tâm đối xứng của hình bình hành $ABCD$.

Câu 7: (0,5 điểm) Tính tổng sau:

$$S = \frac{2}{2.4} + \frac{2}{4.6} + \frac{2}{6.8} + \dots + \frac{2}{46.48} + \frac{2}{48.50}$$

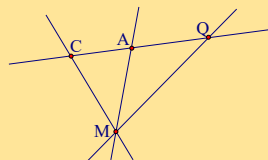
---HẾT---

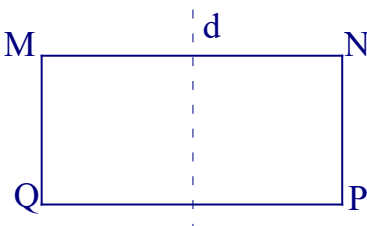
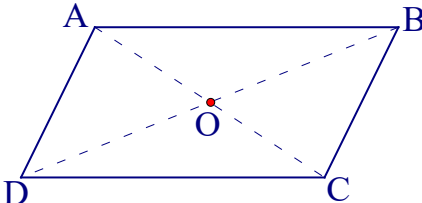
Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM																
I <i>2,0 điểm</i>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">1</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">2</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">3</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">4</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">5</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">6</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">7</td> <td style="width: 12.5%; text-align: center;">8</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">A</td> <td style="text-align: center;">A</td> <td style="text-align: center;">D</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">D</td> <td style="text-align: center;">C</td> </tr> </table>	1	2	3	4	5	6	7	8	A	A	D	C	B	B	D	C	0,25x8
	1	2	3	4	5	6	7	8										
A	A	D	C	B	B	D	C											
II 1 <i>1,5 điểm</i>	So sánh phân số a) $\frac{-77}{39}$ và $\frac{-45}{39}$.	0,5																
	Vì $-77 < -45$ nên $\frac{-77}{39} < \frac{-45}{39}$	0,25x2																
	b) $\frac{-7}{9}$ và $\frac{-5}{6}$.	1,0																
	$\frac{-7}{9} = \frac{-14}{18}$; $\frac{-5}{6} = \frac{-15}{18}$																	
	Vì $\frac{-14}{18} > \frac{-15}{18}$ nên $\frac{-7}{9} > \frac{-5}{6}$	0,25x2																
2 <i>2,0 điểm</i>	a) $\frac{4}{9} + \frac{5}{3} \cdot \frac{-2}{5}$	0,5																
	$= \frac{4}{9} + \frac{-2}{3}$	0,25																
	$= \frac{4}{9} + \frac{-6}{9} = \frac{-2}{9}$	0,25																
	b) $\frac{-13}{18} + \left(\frac{5}{4} - \frac{3}{18} \right)$	0,5																
	$= \left(\frac{-13}{18} - \frac{3}{18} \right) + \frac{5}{4}$	0,25																
	$= \frac{-8}{9} + \frac{5}{4}$																	
	$= \frac{-32}{36} + \frac{45}{36} = \frac{13}{36}$	0,25																
	c) $\frac{-4}{5} \cdot \frac{8}{3} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{7}{3}$	1,0																
	$= \frac{-4}{5} \cdot \left(\frac{8}{3} + \frac{7}{3} \right)$	0,5																
$= \frac{-4}{5} \cdot 5$	0,25																	
$= -4$	0,25																	

CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
3	<p>Anh có 21 viên kẹo. Anh cho em $\frac{5}{7}$ số kẹo của mình. Hỏi:</p> <p>a) Anh cho em bao nhiêu viên kẹo? b) Anh còn lại bao nhiêu viên kẹo?</p>	1,0
1,0 điểm	a) Số kẹo anh cho em là: $21 \cdot \frac{5}{7} = 15$ (viên kẹo)	0,25x2
	b) Số kẹo anh còn lại là: $21 - 15 = 6$ (viên kẹo)	0,25x2
4	<p>Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả $\frac{1}{4}$ số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp $\frac{3}{5}$ số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau một năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 600 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?</p>	1,0
1,0 điểm	<p>Phân số biểu thị số tiền 600 000 000 đồng là:</p> $1 - \frac{1}{4} - \frac{3}{5} = \frac{3}{20}$	0,25x2
	<p>Vậy số tiền để mua căn hộ là:</p> $600 : \frac{3}{20} = 4\ 000\ 000\ 000 \text{ đồng}$	0,25x2
5	<p>Cho hình vẽ bên</p> <p>a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng. b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng. c) Điểm nào nằm giữa hai điểm C và Q? d) Kể tên một tia góc A.</p>	1,0
1,0 điểm	a) Bộ ba điểm thẳng hàng là: C, A, Q	0,25
	b) Bộ ba điểm không thẳng hàng là: M, C, A (hoặc M, C, Q hoặc M, A, Q)	0,25
	c) Điểm A nằm giữa hai điểm C và Q.	0,25
	d) Tia AC (hoặc tia AQ hoặc tia AM).	0,25
	a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.	1,0



CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
6	b) Hãy vẽ điểm O là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD.	
1,0 điểm	a) <div style="text-align: center;">  </div>	0,5
	b) <div style="text-align: center;">  </div>	0,5
	Tính tổng sau: $S = \frac{2}{2.4} + \frac{2}{4.6} + \frac{2}{6.8} + \dots + \frac{2}{46.48} + \frac{2}{48.50}$	0,5
7	$\frac{1}{2} \cdot \left(\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{23.24} + \frac{1}{24.25} \right)$ $S = = \frac{1}{2} \cdot \left(1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{23} - \frac{1}{24} + \frac{1}{24} - \frac{1}{25} \right)$ $= \frac{1}{2} \cdot \left(1 - \frac{1}{25} \right) = \frac{1}{2} \cdot \frac{24}{25} = \frac{12}{25}$	0.25x2

---HẾT---

Học sinh có cách giải khác đúng đáp án vẫn được trọn điểm.